ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /ĐA-UBND	*Đắk Nông, ngày tháng 3 năm 2020*

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Tỉnh Đắk Nông được thành lập vào ngày 01/01/2004, theo Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội, trên cơ sở chia tách tỉnh Đắk Lắk thành 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Theo đó, Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia với 130 km đường biên giới, có 2 cửa khẩu chính là Bu P'răng và Đắk Peur. Địa bàn tỉnh Đắk Nông có Quốc lộ 14 đi qua, nối tỉnh Đắk Nông với tỉnh Đắk Lắk, các tỉnh miền Đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh; có Quốc lộ 28 nối tỉnh Đắk Nông với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Thuận. Trong tương lai, tuyến đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành - Dĩ An ra cảng Thị Vải sẽ được xây dựng phục vụ cho dự án khai thác và chế biến bauxit, mở ra cơ hội lớn cho tỉnh Đắk Nông đẩy mạnh khai thác các thế mạnh sẵn có. Về vị trí, tỉnh Đắk Nông nằm trong vùng tam giác phát triển gồm Campuchia - Lào - Việt Nam, đang được Chính phủ ba nước quan tâm tích cực đầu tư xây dựng, nhằm tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là phát triển giao thông đường bộ, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trải qua 15 năm xây dựng, đến nay tỉnh Đắk Nông đã phát triển đi lên về mọi mặt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá và bền vững; thu nhập bình quân đầu người đạt 43 triệu đồng/người; tổng thu ngân sách nhà nước đạt 2.500 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực. Từ một địa phương có kết cấu hạ tầng yếu kém, đến nay đã thay đổi toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, với mạng lưới giao thông được nâng cấp hoàn thiện. Đã làm mới nhựa hóa 1.691 km, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường giao thông từ 10% lên 60%; có 8 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại III, 2 đô thị loại IV, 5 đô thị loại V. Về văn hóa - xã hội, tỉnh đã thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách dân tộc; nâng cao quy mô, chất lượng giáo dục, y tế tương xứng với nhu cầu của nhân dân; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 đã xác định mục tiêu phát triển kinh tế Đắk Nông với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động về chất lượng; đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa sử dụng kỹ thuật tiên tiến đem lại hiệu quả cao và bền vững; tập trung phát triển theo chiều sâu các ngành công nghiệp có lợi thế, từng bước ứng dụng công nghệ hiện đại hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường; phát triển các loại hình dịch vụ theo hướng tăng cường chất lượng, đảm bảo phục vụ tốt cho thị trường, nhất là các loại hình dịch vụ du lịch mà tỉnh có lợi thế; phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, với đặc điểm là tỉnh mới thành lập, có tiềm năng đất đai rộng lớn, khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp để phát triển sản xuất nông nghiệp, nên trong những năm qua, có số lượng rất lớn dân di cư tự do từ các tỉnh khác đến định cư lập nghiệp tại tỉnh Đắk Nông, làm phá vỡ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đã bị các thế lực thù địch lợi dụng, kích động gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn (từ năm 2004 đến nay, dân số toàn tỉnh tăng trên 175.000 người, chủ yếu là dân di cư tự do). Phần lớn số dân này có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp, sinh sống rải rác ở các vùng sâu, vùng xa, cách xa trung tâm xã, giao thông đi lại rất khó khăn. Do đó, đã gây sức ép rất lớn cho chính quyền các cấp trong việc quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn.

Các xã, huyện được đề nghị điều chỉnh địa giới hành chính dưới đây là những xã, huyện có địa bàn rộng, dân số tăng nhanh và tập trung chủ yếu là dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc đến, kinh tế - xã hội chậm phát triển, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Vì vậy, UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng Đề án với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT , ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

2. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

3. Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

4. Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 22/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030;

5. Quyết định 979/2010/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ

1. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

a) Điều chỉnh địa giới hành chính xuất phát từ vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn Năm Tầng

Đắk Mil là huyện miền núi, biên giới của tỉnh Đắk Nông. Xã Đắk R'la nằm ở phía Đông bắc, cách trung tâm huyện Đắk Mil khoảng 90 km. Thôn Năm Tầng nằm ở phía Đông Bắc của xã Đắk R'la, cách trung tâm xã khoảng 35 km, cách trung tâm huyện Đắk Mil 60 km. Trên địa bàn thôn giao thông đi lại rất khó khăn, chủ yếu là là tuyến đường đất AH17; địa hình có nhiều sông suối chia cắt, nên vào mùa mưa thường bị cô lập; có một số khu vực chưa có đường giao thông đến nơi, giao lưu giữa các vùng được người dân sử dụng phương tiện thô sơ như xe máy và súc vật kéo để đi lại, gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Người dân thôn Năm Tầng muốn đi về Ủy ban nhân dân xã Đắk R'la phải đi vòng qua xã Cư Knia, huyện Cư Jút. Trong khi đó thôn Năm Tầng nằm liền kề với trung tâm xã Cư Knia thuộc huyện Cư Jút. Từ thôn Năm Tầng về trung tâm xã Cư Knia chỉ khoảng 02 km; giao thông ở đây thuận tiện, cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của 135 hộ dân thuộc thôn Năm Tầng gắn bó mật thiết với xã Cư Knia.

Trong những năm qua, do quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đã có sự xâm canh, xâm cư tại khu vực giáp ranh giữa hai xã thuộc hai huyện. Theo đó, hiện nay có khoảng 114 hộ dân thôn 9 và khoảng 21 hộ dân thôn 8 thuộc xã Cư Knia, huyện Cư Jút cư trú trên địa bàn thuộc thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil và đã được chính quyền xã Cư Knia đăng ký hộ khẩu, hiện sinh hoạt tại xã Cư Knia.

Vì vậy, việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút để chuyển toàn bộ 255,80 ha diện tích tự nhiên của thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la về thôn 9 xã Cư Knia quản lý là cần thiết, bảo đảm thuận lợi cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn cũng như công tác quản lý hành chính lãnh thổ của chính quyền địa phương. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, tỉnh Đắk Nông sẽ tập trung nguồn lực để tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội trên địa bàn nhằm khai thác tiềm năng để phát triển, sắp xếp bố trí lại dân cư và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, rút ngắn khoảng cách đi lại và gần hơn với vùng thuận lợi, tạo điều kiện cho người dân liên hệ với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân được thuận tiện.

b) Điều chỉnh địa giới hành chính xuất phát từ khó khăn trong công tác quản lý hành chính, lãnh thổ trên địa bàn thôn Năm Tầng

Dân số của thôn Năm Tầng 100% là đồng bào dân tộc thiểu số, trong những năm qua lợi dụng địa bàn rừng núi, diện tích rộng, đi lại khó khăn, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá, kích động, chia rẽ, lôi kéo đưa người vượt biên trái phép qua biên giới; hoạt động của các tổ chức tôn giáo còn nhiều phức tạp nên tình hình an ninh, quốc phòng trên địa bàn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, khó lường. Do đó, việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút để tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền các cấp tăng cường công tác quản lý khu vực biên giới, ngăn chặn các thế lực thù địch tìm cách móc nối kích động, chia rẽ đoàn kết dân tộc, xâm nhập trái phép, lôi kéo đưa người vượt biên; đảm bảo an ninh chính trị và trận tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính giữa các xã, thị trấn thuộc huyện Krông Nô

Huyện Krông Nô là huyện miền núi, vùng cao của tỉnh Đắk Nông. Trong kháng chiến, Krông Nô là căn cứ địa cách mạng, là nơi chung chuyển nhân lực, vật lực cho chiến trường miền Nam; đồng bào các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, một lòng theo Đảng, nhà nước và được phong tặng nhiều danh hiệu cao quý. Tuy nhiên, là một huyện miền núi, vùng cao của tỉnh Đắk Nông với địa hình có độ dốc lớn, núi cao hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn và thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ; diện tích sản xuất nhỏ, manh mún cộng với tập quán sản xuất lạc hậu, mang nặng tính tự cấp tự túc, sản xuất nông nghiệp phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên nên sản lượng cây trồng thường rất thấp và thiếu tính ổn định. Dân số trên địa bàn huyện chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số với trình độ sản xuất còn thấp.

Thị trấn Đắk Mâm có tổng diện tích tự nhiên là 2.541,04 ha, với 8.158 nhân khẩu, gồm 11 tổ dân phố, thôn, bon. Trên địa bàn thị trấn có thôn Đắk Tân, thôn Đắk Hưng cách trung tâm thị trấn khoảng 20 km. Với 100% dân số là dân di cư tự do, hai thôn này nằm giáp với xã Nam Xuân và xã Tân Thành. Đường giao thông từ trung tâm xã Nam Xuân tới thôn Đắk Hưng và từ trung tâm xã Tân Thành tới thôn Đắk Tân gần và thuận tiện. Trong khi đó người dân hai thôn này muốn về trung tâm thị trấn để giao dịch phải đi vòng qua xã Tân Thành và xã Nam Xuân gần 20 km, đường đất rất khó khăn. Vì vậy, nhiều năm nay các hộ dân thuộc hai thôn này mong muốn tham gia sinh hoạt và chịu sự quản lý của chính quyền 02 xã Nam Xuân và Tân Thành, rất ngại quan hệ với chính quyền thị trấn. Do đó việc quản lý hành chính ở khu vực này có nhiều bất cập, vừa chồng chéo vừa thiếu sót, nguy cơ là kẽ hở để các đối tượng xấu lợi dụng thực hiện các hoạt động phạm pháp. Vì vậy điều chỉnh địa giới hành chính thôn Đắk Tân về xã Tân Thành và thôn Đắk Hưng về xã Nam Xuân quản lý vừa thuận lợi

cho chính quyền các xã trong công tác quản lý, vừa là nguyện vọng của người dân của 02 thôn này.

Xã Tân Thành có diện tích tự nhiên là 8.806,56 ha và dân số là 3.976 nhân khẩu, gồm có 05 thôn. Thôn Đắk Ri thuộc xã Tân Thành có hơn 200 ha nằm tiếp giáp với xã Nam Xuân, nhưng tách biệt với xã Tân Thành bởi suối Đắk Mâm (Suối rộng khoảng 30m) và những dãy núi cao, nên rất khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền xã Tân Thành. Tại khu vực này, tình trạng xâm canh, xâm cư diễn ra rất phức tạp và hiện đang là điểm nóng về tình hình an ninh trật tự với rất nhiều các tệ nạn xã hội. Một số vụ việc gây mất an ninh trật tự đã xảy ra ở đây, nhưng chính quyền xã Tân Thành đến can thiệp không kịp thời, vì muốn tới được khu vực này thì phải đi vòng rất xa qua trung tâm xã Nam Xuân. Tại đây hiện có khoảng 30 hộ dân đang sinh sống là dân cư xã Nam Xuân xâm cư. Vì vậy cần điều chỉnh phần diện tích này của xã Tân Thành về xã Nam Xuân quản lý, sẽ phù hợp, vừa thuận lợi cho công tác quản lý của chính quyền các xã, vừa tạo điều kiện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và hạn chế tình trạng xâm canh, xâm cư gây mất an ninh trật tự nhiều năm qua (Xã Nam Xuân hiện có diện tích tự nhiên là 3.054,27 ha và dân số là 7.438 nhân khẩu, gồm có 08 thôn).

Việc điều chỉnh địa giới hành chính của thị trấn Đắk Mâm, xã Tân Thành và xã Nam Xuân chỉ là điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của 3 xã, thị trấn nói trên mà không làm phát sinh thêm đơn vị hành chính mới.

Như vậy, việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã, thị trấn thuộc huyện Krông Nô (chuyển thôn Đắk Hưng thuộc thị trấn Đắk Mâm về xã Nam Xuân quản lý; chuyển thôn Đắk Tân thuộc thị trấn Đắk Mâm về xã Tân Thành quản lý và chuyển một phần của thôn Đắk Ri thuộc xã Tân Thành về xã Nam Xuân quản lý) nhằm góp phần quản lý chặt chẽ khu vực miền núi, vùng cao và đảm bảo khu vực phòng thủ tuyến giáp biên giới Việt Nam - Campuchia; tăng cường quản lý địa bàn, quản lý hành chính, quản lý dân cư của chính quyền các cấp. Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên hiện có, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với yêu cầu phát triển và nguyện vọng của nhân dân về sắp xếp dân cư, bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Có điều kiện để tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng khó khăn với vùng thuận lợi, tạo điều kiện cho người dân liên hệ với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước được thuận tiện.

Từ những lý do trên, việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, giữa các xã, thị trấn thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông là thực sự cần thiết, để giúp các ngành, các cấp quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên hiện có, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh khu vực biên giới, phù hợp với yêu cầu phát triển và nguyện vọng của nhân dân về sắp xếp dân cư, bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

A. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN ĐẮK MIL VÀ XÃ ĐẮK RLA

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN ĐẮK MIL

1. Lịch sử hình thành

Sau năm 1975, huyện Đắk Mil có thị trấn Đắk Mil và 6 xã: Đắk Gằn, Đắk Lao, Đức Mạnh, Đức Minh, Thuận An, Thuận Hạnh.

Ngày 17/01/1984, chia xã Đức Minh thành ba xã lấy tên là xã Đức Minh, xã Đắk Sắk và Đắk Môl.

Ngày 24/3/1998, thành lập xã Đắk Song trên cơ sở 11.745 ha diện tích tự nhiên và 2.936 nhân khẩu của xã Thuận Hạnh; thành lập xã Đắk R'la trên cơ sở 10.204 ha diện tích tự nhiên và 4.143 nhân khẩu của xã Đắk Gằn.

Ngày 21/6/2001, tách 3 xã: Đắk Môl, Thuận Hạnh, Đắk Song để thành lập huyện Đắk Song, huyện Đắk Mil còn lại 7 xã: Đắk Gằn, Đắk Lao, Đắk R'la, Đắk Sắk, Đức Mạnh, Đức Minh, Thuận An và thị trấn Đắk Mil.

Ngày 26/11/2003, tỉnh Đắk Nông được tái lập, huyện Đắk Mil thuộc tỉnh Đắk Nông.

Ngày 06/6/2005, thành lập xã Đắk N'Drót trên cơ sở 3.320 ha diện tích tự nhiên và 234 nhân khẩu của xã Đức Mạnh, 1.428 ha diện tích tự nhiên và 3.207 nhân khẩu của xã Đắk R'La.

Ngày 22/11/2006, thành lập xã Long Sơn trên cơ sở điều chỉnh 3.058 ha diện tích tự nhiên và 2.198 nhân khẩu của xã Đắk Sắk.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Đắk Mil là huyện nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Đắk Nông với diện tích tự nhiên 68.158 ha, cách thành phố Gia Nghĩa 60 km theo đường Quốc lộ 14.

b) Địa giới hành chính

Phía bắc giáp huyện Cư Jút; Đông giáp huyện Krông Nô; phía Nam giáp huyện Đắk Song; Tây giáp Vương quốc Campuchia.

3. Đơn vị hành chính

Đắk Mil có 10 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 9 xã: Đắk Gằn, Đắk Lao, Đắk N'Drót, Đắk R'La, Đắk Sắk, Đức Mạnh, Đức Minh, Long Sơn, Thuận An và thị trấn Đắk Mil.

4. Điều kiện tự nhiên

a) Khí hậu

Đắk Mil là khu vực chuyển tiếp giữa hai tiểu vùng khí hậu Đắk Lắk và Đắk Nông, chế độ khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 11, tập trung trên 90% lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 12 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Nhiệt độ bình quân 22,3^{0}C, ẩm độ không khí bình quân năm là 85%, tổng tích ôn 7.2000C, lượng mưa bình quân 2.513mm. Điều kiện khí hậu nói trên thích hợp với nhiều loại cây trồng vật nuôi vùng nhiệt đới có giá trị cao.

b) Tài nguyên, thiên nhiên

Kết quả điều tra của Phân viện điều tra quy hoạch và thiết kế - Bộ Nông nghiệp cho thấy: Đắk Mil là huyện có diện tích đất khá phong phú và màu mỡ (phần lớn là đất Basalt) thuận tiện cho việc phát triển các loại cây công nghiệp nhiệt đới có giá trị cao.

Rừng nửa rụng lá: Điển hình là Bằng lăng (Lagerstromea.Sp), Căm xe (Xylia Dlarfriformis), Dầu (Dipterocarpu.Sp), Gáo vàng…phân bố ở các vùng ẩm, tầng đất sâu. Loại rừng này có khả năng tái sinh kém, hầu hết phục hồi sau khi bị phá làm rẫy là loại cây tái sinh ưu sáng mọc nhanh.

Rừng khộp: Gồm các loại cây họ dầu chiếm ưu thế (Dipterocarpaceae) như các chi: Dipterocarpus; Shorea; pentamea; Xylia, Hopea; Terminalia…loại rừng này có đặc điểm là cây tái sinh mạnh chịu được điều kiện khắc nghiệt như khô hạn, lửa rừng…và có thể tồn tại trên vùng lập địa xấu.

Tài nguyên khoáng sản của Đắk Mil qua các tài liệu điều tra nghiên cứu, có hai loại khoáng sản chính:

Đá xây dựng: Mỏ đá Basalt đã được thăm dò và khai thác tại xã Đắk R'la là mỏ Đô Ry, chất lượng đá có hàm lượng SO^3 nhỏ, các thành phần khác đều đạt TCVN, tính chất cơ lý tốt có thể sử dụng làm đá xây dựng với các sản phẩm đá chẻ; đá hộc; đá rải đường; bê tông nhựa; bê tông xi măng. Trữ lượng mỏ Đô Ry là 4,5 triệu m^3, sản lượng khai thác bình quân 40.000m^3 - 50.000m^3/năm. Ngoài ra, hiện còn 4 mỏ quy mô nhỏ đang được khai thác tại các xã Đắk Lao (02 mỏ), Đắk N'Drot (01 mỏ) và Đức Mạnh (01 mỏ).

Mỏ Bauxit từ Thuận An kéo đến Đắk R'la: Hiện đã được khoanh vùng và đang tiến hành thăm dò tìm kiếm và đánh giá sơ bộ về trữ lượng và chất lượng quặng.

Ngoài ra, qua thăm dò đã phát hiện trên địa bàn xã Đắk Gằn có mỏ đá quý (Opan - Caxeđoan) với địa tầng chứa quặng tồn tại trong tầng Basalt, đang tiến hành thăm dò tìm kiếm và đánh giá sơ bộ về trữ lượng và chất lượng quặng.

5. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện là 681,58 km^2, bằng 68.157,68 ha.

Trong đó:

a) Nhóm đất nông nghiệp là 64.109,46 ha, chiếm 94,06 % diện tích tự nhiên, gồm:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 44.152,87 ha, chiếm 64.78%.

- Đất lâm nghiệp là 19.844,44 ha, chiếm 29,12%.

- Đất nuôi trồng thuỷ sản là 102,64 ha, chiếm 0,15%.

- Đất nông nghiệp khác là 9,51 ha, chiếm 0,01%.

b) Nhóm đất phi nông nghiệp là 3.832,07 ha, chiếm 5.62%, gồm:

- Đất ở là 668,93 ha, chiếm 0,98%.

+ Đất ở tại nông thôn là 611,07 ha, chiếm 0,89%.

+ Đất ở tại đô thị 57,86 ha, chiếm 0,08%.

- Đất chuyên dùng là 2.284,51 ha, chiếm 3,35%.

- Đất cơ sở tôn giáo là 34,94 ha, chiếm 0,051%.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 82,93 ha, chiếm 0,12%.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 760,76 ha, chiếm 1,12%.

c) Nhóm đất chưa sử dụng là 216,15 ha, chiếm 0,32%.

6. Dân số và thành phần dân cư

a) Dân số

Dân số trung bình huyện Đắk Mil là 99.892 người, mật độ dân số trung bình 146 người/km²; so với tỉnh Đắk Nông, huyện Đắk Mil là một trong những huyện có mật độ dân số khá cao.

b) Thành phần

Thành phần dân tộc của huyện Đắk Mil khá đa dạng, có tới 19 dân tộc anh em, trong đó người Kinh có 14.314 hộ/64.474 nhân khẩu chiếm 80,08% dân số toàn huyện, dân tộc thiểu số có 1.346 hộ/7.135 khẩu chiếm 8,6% chủ yếu là dân tộc M'Nông, còn lại là dân tộc Ê đê (4 hộ/31 khẩu) và Mạ (1hộ/khẩu) dân tộc thiểu số khác 2.037 hộ/9.400 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số có nguồn gốc từ các tỉnh miền núi phía Bắc như: Tày, Nùng, Dao, H'Mông.

Tính đến cuối năm 2019, trên địa bàn huyện hiện nay có 3 tôn giáo chính: Công giáo, Phật giáo và Tin lành. Tổng số tín đồ là 48.297 khẩu, chiếm 57% dân số toàn huyện. Trong đó: Công giáo là 38.045 khẩu, Phật giáo là 3.111 khẩu, Tin lành là 7.141 khẩu.

7. Phát triển kinh tế

Huyện Đắk Mil hiện có 1 cụm công nghiệp nằm trên địa bàn xã Thuận An, có vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng.

Sau 10 năm đổi mới (1986 - 1995), tình hình kinh tế, xã hội của huyện đã có những chuyển biến tích cực. Nền kinh tế có mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh

tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá; đời sống vật chất tinh thần giữa các vùng đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ, nạn đói được đẩy lùi; sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế đều có sự phát triển rõ rệt.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, quá trình đổi mới kinh tế, xã hội của huyện Đắk Mil tiếp tục đạt được những thành tựu lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 8,6%/năm; trong đó nông, lâm nghiệp tăng 7%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 7%; dịch vụ tăng 23%. Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đưa các giống mới có năng suất cao vào sản xuất, bình quân hàng năm sản lượng lương thực đạt 17.000 tấn. Đảng bộ và chính quyền huyện cũng chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc như chương trình 134, 135; tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng; thực hiện xoá đói giảm nghèo, nhờ vậy số hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm đáng kể.

Trong giai đoạn từ 2000 đến nay, kinh tế của huyện phát triển với nhịp độ tăng trưởng khá. Hệ thống cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm y tế được quan tâm đầu tư. Đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận quần chúng nhân dân được cải thiện đáng kể. Tình hình an ninh chính trị về cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp uỷ Đảng được nâng lên.

Đắk Mil là huyện có vị trí quan trọng về kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng an ninh của tỉnh Đắk Nông, nhân dân trong huyện giàu truyền thống yêu nước, có tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc anh em, nhân dân Đắk Mil nhất định sẽ vượt mọi khó khăn, xây dựng huyện ngày càng giàu về kinh tế, tiến bộ về xã hội, mạnh về chính trị, vững về an ninh - quốc phòng, góp phần xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

a) Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2017 - 2019 đạt trên 8,3%, trong đó năm 2019 đạt 9,19% tăng 3,32% so với năm 2018.

Tổng giá trị gia tăng đạt 3.685 tỷ đồng, tăng 9,19% so với năm 2018. Trong đó, sản xuất nông nghiệp đạt 1.265 tỷ đồng, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt 860 tỷ đồng, thương mại - dịch vụ đạt 1.560 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế đến năm 2019: Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản chiếm 34,32%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 23,34%; Thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 42,34%.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

* Phát triển nông nghiệp

Huyện thực hiện điều chỉnh diện tích, hình thành vùng chuyên canh cà phê, cây bơ, hồ tiêu; phát triển hạn chế với các hộ dân có trình độ và điều kiện đầu tư nhỏ lẻ; cây ăn quả phát triển trên đất vườn trong khu dân cư và trang trại; bảo vệ nghiêm ngặt đối với diện tích chuyên trồng lúa nước. Tạo mọi điều kiện

thuận lợi nhất để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết bền vững theo chuỗi khép kín hoặc liên kết một số khâu trong sản xuất, trong đó ưu tiên liên kết khép kín theo chuỗi một số sản phẩm có tiềm năng lợi thế của huyện. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 400 triệu đồng/ha/năm.

Về trồng trọt, tổng diện tích gieo trồng năm 2019 đạt 50.999 ha, sản lượng lương thực đạt 70.926 tấn. Trong năm 2019, huyện tiếp tục thực hiện đề án nâng cao hiệu quả nâng cao chất lượng vườn cà phê; tiếp tục duy trì 22 tổ hợp tác sản xuất đã được chứng nhận nhãn hiệu chất lượng các sản phẩm như Xoài, Sầu Riêng, Cà Phê.

Chăn nuôi và thủy sản, huyện đã chỉ đạo tích cực tiêu độc, khử trùng, chủ động ngăn chặn các loại dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Theo đó, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện hiện có 352.254 con.

* Phát triển công nghiệp

Trong thời gian qua, huyện đã tập trung phát triển công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp gắn với lợi thế nguồn nguyên liệu nông lâm sản địa phương như khai thác chế biến đá, mộc dân dụng, cơ khí, chế biến lâm sản, gạch không nung... Theo đó, hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá, ổn định, đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của huyện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng.

Huyện đã tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tạo môi trường thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các cụm công nghiệp Thuận An, chú trọng các dự án đầu tư phát triển về công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN - xây dựng giai đoạn 2017 - 2019 tăng 17%/năm.

* Phát triển thương mại, dịch vụ

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2019 trên địa bàn huyện đạt 1.560 tỷ đồng. Trong năm, huyện đã kiểm sát tốt thị trường, ngăn chặn hàng nhái, hàng kém chất lượng; hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, giao thương trong và ngoài nước được đẩy mạnh.

Phát huy lợi thế huyện đã tập trung phát triển thương mại dịch vụ; kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tại thị trấn Đắk Mil. Theo đó, tốc độ tăng bình quân tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ xã hội giai đoạn 2017 - 2019 đạt 20%/năm.

Hoạt động du lịch, nhà hàng, khách sạn được đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng nhu cầu lưu trú, tham quan tại địa phương, cũng như làm điểm trung chuyển cho các vùng lân cận, địa bàn huyện hiện có 8 điểm dừng chân của công viên địa chất tỉnh Đắk Nông.

c) Thu chi ngân sách trên địa bàn

Tổng thu ngân sách năm 2019 đạt 149,4 tỷ đồng, tăng 38% so với dự toán đề ra. Trong đó, thu từ phí, lệ phí đạt 78,7 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất đạt 60 tỷ đồng, thu khác ngân sách đạt 10,7 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách là 483,62 tỷ đồng, tăng 7,64% kế hoạch giao. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 104,12 tỷ đồng. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách được thực hiện đúng quy định, bảo đảm đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

8. Phát triển văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Giáo dục đào tạo có bước phát triển toàn diện cả về cơ sở vật chất, hệ thống trường lớp và chất lượng dạy và học; 100% các xã, thị trấn có đủ trường lớp cho các cấp, bậc học; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường hàng năm đạt 98%; 100% các xã đạt chuẩn về phổ cập Trung học cơ sở và Tiểu học đúng độ tuổi.

b) Văn hóa, xã hội

Huyện Đắk Mil ngày nay là vùng sinh sống của dân tộc M'Nông, là một dân tộc thiểu số tại chỗ đặc trưng vùng Tây nguyên với truyền thống sản xuất và sinh hoạt mang tính văn hóa hết sức đặc sắc: Những lễ hội văn hoá dân gian như Lễ hội Đâm trâu (ăn trâu), Lễ mừng nhà mới, Lễ mừng mùa, Lễ bỏ mả, những món ẩm thực: Cơm lam, rượu cần. Những điệu múa cổ truyền, nhạc cụ dân tộc (cồng chiêng) và kiến trúc cổ truyền nhà sàn, nhà dài sống chung nhiều thế hệ. Đặc biệt, Đắk Mil là nơi phát hiện đầu tiên hình thức văn hoá dân gian là "sử thi" đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước xem như là một thể loại văn học truyền miệng có quá trình văn hoá - lịch sử lâu đời đặc trưng của vùng Tây Nguyên, là viên ngọc quý trong kho tàng văn học và truyện cổ dân gian của Việt Nam được Nhà nước công nhận. Với những câu chuyện mang đậm nét thần thoại về các hiện tượng tự nhiên, về đấu tranh chế ngự thiên nhiên, ca ngợi những đức tính tốt đẹp, yêu tự do, lòng dũng cảm, phản kháng áp bức, bóc lột.

Huyện có 01 trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và 01 Đội thông tin lưu động với 06 biên chế;

- Các cấp, các ngành từ huyện đến xã đã quan tâm đến công tác đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao được các tầng lớp nhân nhân tham gia rất tích cực; công tác bảo tồn và phát huy các yếu tố tích cực bản sắc văn hóa các dân tộc được Huyện ủy, UBND huyện quan tâm đầu tư đúng mức; phần lớn các thôn, làng có nhà Rông văn hóa, hội trường thôn sinh hoạt cộng đồng. Nhân các ngày lễ, ngày tết cổ truyền UBND huyện quan tâm chỉ đạo tổ chức các lễ, hội, giao lưu, hội thi các loại hình văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao các dân tộc trong huyện.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được duy trì giữ vững, tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa 77,5%; tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu văn hóa là 88,5%; 70% xã, thị trấn đạt danh hiệu văn hóa. Phong

trào thể dục, thể thao trên địa bàn huyện được đẩy mạnh và duy trì thường xuyên ở các thôn, làng và các trường học.

- Nhân dân trên địa bàn theo dõi tin tức thời sự qua vô tuyến trên 80% hộ.

c) Y tế

Huyện có 01 Trung tâm y tế, 03 phòng khám khu vực, 11 trạm y tế xã với tổng số cán bộ y tế 173 người, trong đó: Bác sỹ 25 người; y sỹ 25 người; y tá 48 người; nhân viên y tế thôn làng 75 người.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và tổ chức thực hiện các chương trình Quốc gia về y tế, tuy đã đạt được một số kết quả; việc tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình chưa đi vào chiều sâu, tỷ lệ tăng dân số hàng năm còn khá cao. Đến nay, 85% dân số trên địa bàn huyện có thẻ bảo hiểm y tế; 87% thôn, tổ dân phố văn hoá, trên 85% gia đình văn hoá, 45% gia đình thể thao; 100% trạm y tế cấp xã có bác sỹ và đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch đạt trên 50%, sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Chế độ chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách được quan tâm và thực hiện đầy đủ. Thực hiện tốt các giải pháp giảm nghèo bền vững, thông qua các dự án vay vốn nuôi bò, làm trang trại, huy động các nguồn vốn từ các doanh nghiệp xóa nhà tạm, giảm tỷ lệ hộ nghèo được triển khai thường xuyên.

Công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn (điện, xây dựng, mộc, kỹ thuật trồng, lai tạo một số giống cây trồng vật nuôi) bước đầu đưa lại hiệu quả (đào tạo 206 lượt người học nghề nông thôn), nâng cao mức thu nhập cho lao động trong thời gian qua. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60%, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 2.000 lao động.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 2% - 3% theo chuẩn mới; tỷ lệ tăng dân số hàng năm 0,50%; Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt trên 40 triệu đồng/năm.

9. Hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Đắk Mil là huyện biên giới cửa khẩu Đắk Peur thông thương với Campuchia, nằm trên Quốc lộ 14 chạy dọc các tỉnh vùng Tây Nguyên, cách thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) khoảng 57 km về phía Tây nam, cách thành phố Hồ Chí Minh 296 km. Ngoài ra, Đắk Mil còn có quốc lộ 14C là tuyến giao thông quan trọng trong khu vực Tây Nguyên và hai tuyến đường tỉnh ĐT 683, ĐT 682. Thông qua các tuyến đường này, Đắk Mil có thể kết nối với các huyện Cư Jut, Đắk Song, Tuy Đức, Krông Nô trong tỉnh Đắk Nông.

Như vậy Đắk Mil là huyện không những là cầu nối giữa các huyện trong tỉnh Đắk Nông mà còn là điểm giao lưu các tỉnh vùng Tây Nguyên và với nước

bạn láng giềng Campuchia.

Hệ thống giao thông huyện Đắk Mil hiện có 02 tuyến Quốc lộ 14 và Quốc 14C, 2 tuyến đường tỉnh ĐT 682 và ĐT 683, 8 tuyến đường huyện; 33 tuyến đường xã; 35 tuyến đường nội thị và 101 tuyến đường thôn buôn.

Địa bàn huyện có 2 bến xe với 30 phương tiện của 10 đơn vị cùng tham gia kinh doanh, khai thác trên 8 tuyến liên tỉnh cố định; lượng vận chuyển, luân chuyển hàng năm đạt 5 triệu lượt người. Tốc độ tăng trưởng vận chuyển hành khách và hàng hóa tăng từ 5-8%.

b) Cấp điện

Hiện tại 90% dân số trên địa bàn được sử dụng điện lưới quốc gia, đầu tư vận hành 5 tuyến chiếu sáng đô thị, duy trì vận hành 30 trạm điện với hơn 1.000 bóng chiếu sáng đô thị, tỷ lệ đường chính được chiếu sáng đạt 95%.

c) Cấp thoát nước

Cấp, thoát nước thủy lợi, hồ chứa nước đáp ứng nguồn nước tưới tiêu cho diện tích cây trồng có nhu cầu đạt 78%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78%.

d) Về thông tin, viễn thông

Địa bàn huyện có 2 nhà mạng cung cấp dịch vụ viễn thông và một chi nhánh truyền hình cáp. Hầu hết các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn đã áp dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Việc cung cấp dịch vụ bảo đảm yêu cầu và kịp thời cho người sử dụng.

10. Quốc phòng an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh trên địa bàn được củng cố và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; các tiềm lực trong khu vực phòng thủ được đầu tư xây dựng, kết quả ngày càng vững chắc. Công tác phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; hệ thống công trình phòng thủ, công trình chiến đấu được khảo sát, bố trí hợp lý, xây dựng kiên cố, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi có tình huống. Tổ chức diễn tập tác chiến phòng thủ huyện và diễn tập chiến đấu trị an cấp xã, diễn tập phòng cháy, chữa cháy được triển khai thực hiện.

Lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ trên địa bàn được bố trí, sắp xếp bảo đảm hợp lý về số lượng và cơ cấu. Công tác tuyển quân, huấn luyện, giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng triển khai thực hiện bảo đảm chỉ tiêu, kế hoạch.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, nhất là địa bàn biên giới, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, hoạt động tôn giáo. Các lực lượng đã phối hợp chặt chẽ trong kiểm tra, kiểm soát địa bàn, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, nội địa; giải quyết kịp thời các vụ việc từ cơ sở, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh,

trật tự. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số, khuyến khích khôi phục các lễ hội truyền thống phù hợp với phong tục tập quán các dân tộc. Trong năm 2019, địa bàn huyện xảy ra 62 vụ pháp pháp hình sự, tăng 4 vụ so với năm 2018.

11. Tổ chức bộ máy và số lượng, chất lượng cán bộ công chức

a) Cấp huyện

- Tổ chức Đảng: có 52 tổ chức đảng trực thuộc Huyện ủy, trong đó có 13 Đảng bộ, 39 Chi bộ; toàn huyện có 1.338 đảng viên; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện có 45 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 đồng chí.

- Hội đồng nhân dân huyện có 39 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực; các Ban của Hội đồng nhân dân huyện có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế.

- Các cơ quan khối đảng, đoàn thể: 13 phòng, ban chuyên môn với 95 biên chế (công chức: 91; hợp đồng theo Nghị định 68: 04), trong đó: nam 50 người, nữ 35 người, dân tộc thiểu số 03 người; Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 79 người (chiếm 92,94%), trung cấp 05 người (chiếm 5,88%), sơ cấp 01 người (chiếm 1,18%); Lý luận chính trị: cao cấp 25 người (chiếm 29,41%), trung cấp 19 người (chiếm 22,35%).

b) Cấp xã

- Tổ chức đảng: Có 14 Đảng ủy xã, thị trấn.

- HĐND xã, thị trấn: Gồm 11 HĐND xã, thị trấn, tổng số 268 đại biểu.

- Cán bộ công chức cấp xã: 205 người, trong đó: nam 144 người, nữ 61 người; dân tộc thiểu số 20 người; Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 170 người (chiếm 82,92%), cao đẳng: 12 người (chiếm 5,86%), trung cấp: 22 người (chiếm 10,73%), chưa qua đào tạo: 01 người (chiếm 0,49%); Lý luận chính trị: cao cấp 11 người (chiếm 5,36%), trung cấp 116 người (chiếm 56,58%), sơ cấp 79 người (chiếm 38,54%).

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 116 người.

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp thôn đã bố trí là 1.943 người.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ ĐẮK R'LA

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Đắk R'la nằm phía Đông Bắc huyện Đắk Mil, có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Đông giáp xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil.

- Tây giáp xã Đắk Lao và xã Đắk N'Drót huyện Đắk Mil.

- Nam giáp xã Đức Mạnh, xã Long Sơn huyện Đắk Mil và xã Nam Xuân huyện Krông Nô.

- Bắc giáp xã Đắk Wil, xã Đắk Drông và xã Cư Knia huyện Cư Jút.

2. Diện tích tự nhiên, dân số

Xã Đắk R'la có diện tích tự nhiên 9.338,25 ha; dân số có 2.750 hộ với 12.564 người gồm 13 dân tộc sinh sống.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019 tổng diện tích đất tự nhiên của xã Đắk R'la là 9.338,25 ha. Trong đó:

a) Đất nông nghiệp là 8.941,77 ha, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 8.922,53ha

+ Đất trồng cây hàng năm có 4.212,76 ha

+ Đất trồng cây lâu năm là 4.709,77 ha

- Đất lâm nghiệp là 14,14 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản là 5,10 ha

b) Đất phi nông nghiệp là 361,83 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn là 64,45 ha

- Đất chuyên dùng là 167,43 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,68 ha

+ Đất quốc phòng là 3,90 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 8,21 ha

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 15,13 ha

+ Đất có mục đích công cộng là 139,50 ha

- Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng là 1,66 ha

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 6,02 ha

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 122,27 ha

c) Đất chưa sử dụng là 34,65 ha

4. Về dân số, lao động

a) Dân số

Toàn xã có 2.750 hộ với 12.564 người, chia thành 12 thôn và cụm dân cư; có 02 tôn giáo là Phật giáo và Công giáo; 13 dân tộc sinh sống trên địa bàn xã, trong đó dân tộc kinh chiếm 64%, dân tộc thiểu số chiếm 36%.

b) Lao động

Xã có 5.212 người trong độ tuổi lao động, trong đó số người có việc làm là 4.952/5.212 người, chiếm 95%. Công tác đào tạo nghề cho người lao động thực hiện tương đối có hiệu quả. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 34,5% (1.798/5.212 người).

5. Phát triển kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2017 - 2019 đạt 30,73%, trong đó năm 2019 tăng 31,2%. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2019 đạt 232 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2018. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 81,2 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2018; công nghiệp - xây dựng đạt 23,2 tỷ đồng, tăng 2,2%; nông - lâm nghiệp đạt 127,6 tỷ đồng, giảm 12,4% so với năm 2018.

b) Cơ cấu kinh tế năm 2019: Thương mại - dịch vụ chiếm 35%; công nghiệp - xây dựng chiếm 10%; nông - lâm nghiệp chiếm 55%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp và chăn nuôi: Đắk R'la vẫn là xã thuần nông, nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chủ đạo, mang lại phần lớn thu nhập của người dân trên địa bàn xã. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Tỷ trọng ngành nông nghiệp là ngành sản xuất chính của xã, tiếp đến là dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp xây dựng.

- Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Trên địa bàn chưa có các cơ sở công nghiệp với quy mô lớn, chỉ có một số cơ sở dịch vụ cơ khí, sửa chữa nhỏ lẻ đáp ứng nhu cầu thường xuyên của nhân dân trong vùng, có 01 nhà máy khai thác, sản xuất đá xây dựng.

- Ngành thương mại - dịch vụ: Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế đã tăng cường khả năng cung ứng vật tư, hàng hóa, cho sản xuất và tiêu dùng toàn xã hội.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn xã đang có bước chuyển biến tốt đóng vai trò quan trọng góp phần tăng trưởng kinh tế.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2019 đạt 6,73 tỷ đồng; tổng chi đạt 5,54 tỷ đông, trong đó chi thường xuyên đạt 5,54 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người

- Trong những năm qua, kinh tế của xã tiếp tục phát triển khá; thu nhập bình quân đầu người tiếp tục được cải thiện; phương thức sản xuất và cơ cấu ngành nông nghiệp có bước giảm về cơ cấu, chuyển biến tích cực, năng suất tăng dần. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tiếp tuc phát triển. Bước đầu hình thành liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã.

- Năm 2017, thu nhập bình quân đầu người 40,3 triệu đồng/người/năm. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người 42,5 triệu đồng/người/năm. Năm

2019, thu nhập bình quân đầu người 43,5 triệu đồng. So sánh năm 2017 với năm 2019 thu nhập tăng 3,2 triệu đồng/người/năm).

6. Phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục

Xã duy trì đảm bảo giữ vững phổ cập giáo dục các cấp học đúng độ tuổi. Năm 2019, tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ học sinh đi học THCS đạt 98,1%; tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đạt từ 99,7%.

Xây dựng trường đạt chuẩn tính đến tháng 12/2019 đã có 1/6 trường đạt chuẩn tỷ lệ đạt 16,7%. Các trường học thực hiện cơ bản tốt công tác vận động nhân dân tham gia xã hội hóa trong công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học như: xây dựng phòng học mới, tu sửa phòng học, sơn sửa hàng rào, làm sân trường bằng bê tông hóa với số tiền là 652 triệu đồng.

b) Y tế

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực của hệ thống y tế cơ sở được tăng cường đầu tư, việc giám sát dịch tễ được chủ động triển khai và không để dịch lớn xảy ra. Các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia, về sức khỏe môi trường, y tế học đường, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em… được triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được triển khai đến tuyến xã. Hiện nay trạm y tế đạt tiêu chuẩn cấp độ I về trạm chuẩn y tế.

Năm 2019, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 21%, giảm 4,3% so với năm 2018. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 78,34%.

c) Văn hóa

Địa bàn xã có 11/12 thôn văn hóa, đạt 92,3%, tăng 01 thôn so với năm 2018. Xã Đắk Rla có Hội trường văn hóa của xã tại UBND xã, có đầy đủ trang thiết bị, có các công trình phụ trợ, có cán bộ quản lý, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm.

Đến nay, trên địa bàn xã có 03 sân bãi hoạt động thể thao (2 bóng đá nhân tạo, 01 sân vận động, 02 phòng tập gym). Phong trào rèn luyện thân thể, thể dục, thể thao ngày càng phát triển trên đại đa số các thôn.

Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng là 3/12 thôn, đạt 25%.

d) Xóa đói, giảm nghèo, chính sách xã hội

Thực hiện hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ dân tộc có hoàn cảnh khó khăn, giai đoạn 2017 - 2019 trên địa bàn xã thực hiện được 4 căn nhà với tổng kinh phí 210 triệu đồng từ nguồn ủng hộ của người dân, các tổ chức chính trị trên địa bàn huyện, Giáo hội Phật giáo tỉnh Đắk Nông, quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh Đắk Nông và Ban biên tập Báo Đắk Nông. Triển khai xây dựng 2 căn nhà cho 2 hộ nghèo từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ và nguồn cho vay vốn

ngân hàng chính sách xã hội và kinh phí gia đình tự tham gia đóng góp thêm, tổng kinh phí 140 triệu đồng.

Trên địa bàn xã Đắk R'la hiện nay không có nhà tạm và dột nát. Năm 2019, tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt 81%.

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn, có điều kiện tiếp cận và được tín chấp vay vốn phát triển sản xuất tăng thu nhập, chi phí học tập. Đến nay, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đắk Mil cho vay 352 hộ nghèo dư nợ vốn vay 8.644 triệu đồng.

Năm 2019, có 95 hộ nghèo với 492 khẩu (trong đó hộ nghèo là người dân tộc thiểu số là 77 hộ bằng 429 khẩu), chiếm 3,29% hộ dân trên toàn xã, giảm 82 so với tỷ lệ hộ nghèo năm 2017. Số hộ cận nghèo là 103 hộ bằng 472 khẩu (trong đó hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm 72 hộ bằng 359 khẩu), chiếm 3,57% hộ dân trên toàn xã, giảm 46 hộ so với tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2018.

7. Phát triển hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã hiện có đường trục xã được bê tông hóa 1,9km/5,5km, đạt 34,45%; đường trục thôn được bê tông hóa 3,2km/10,3 km, đạt 31,06%; đường ngõ xóm được cứng hóa 1,7km/13,4km, đạt 12,68%; đường trục chính nội đồng được cứng hóa 8,5km/17,4km, đạt 48,85%.

Đến nay toàn xã tổ chức cho các thôn, tu sửa, sửa chữa đường liên thôn, nội thôn, phục vụ kịp thời đi lại, học tập, buôn bán vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

b) Cấp điện

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Chất lượng điện áp của lưới điện cơ bản đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân; đảm bảo khoảng cách an toàn lưới điện hạ áp, đảm bảo khoảng cách an toàn và hành lang lưới điện trung áp.

- Tỷ lệ thôn có điện lưới quốc gia 12/12 thôn, đạt 100%; tỷ lệ người dân có điện đạt 100%.

c) Công trình thương mại

Xã có 01chợ nông thôn, 01 trung tâm thương mại, 01 chợ dân tự phát là nơi mua bán, trao đổi hang hóa. Công trình chợ đầy đủ các hạng mục: Nhà chợ chính; các ki ốt kinh doanh; hệ thống thu gom rác thải; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng.

d) Bưu chính, viễn thông

Xã có 2 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông đạt chuẩn của Bộ Thông tin Truyền thông: Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ; có biển hiệu tên điểm phục vụ; niêm yết giờ mở của phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng; cung ứng dịch vụ bưu

chính phổ cập và dịch vụ phát hành báo chí công ích; thời gian phục vụ tối thiểu là 8 giờ/ngày làm việc; tần suất thu gom bưu gửi; phát bưu gửi: tối thiểu thu gom 1 lần/ngày làm việc. Tỷ lệ thôn truy cập được Internet đạt 100%.

- Xã có hệ thống đài truyền thanh và hệ thống loa đến 12 thôn đáp ứng yêu cầu phát thanh trên địa bàn xã. Hàng năm Đài truyền thanh tiếp sóng thường xuyên hơn 318 giờ.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách thủ tục hành chính như: ioffice, phần mềm một cửa điện tử, các ứng dụng phần mềm quản lý: Tài chính - kế toán, tư pháp - hộ tịch, lao động thương binh và xã hội…

e) Xã có 01 công trình cấp nước sạch tập trung, cung cấp đầy đủ nhu cầu nước sạch cho một số khu vực đông dân cư; các khu vực khác người dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 95%, hộ dân sử dụng nước sạch và các loại máy lọc nước đạt tỷ lệ 52%.

- Trên địa bàn xã có các cơ sở kinh doanh lớn, nhỏ hoạt động thương mại dịch vụ. Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh trên đã cam kết giữu gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn.

- Tổ thu gom rác thực hiện tốt việc thu gom rác thải tại các khu dân cư và mở rộng địa bàn thu gom. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 85,4%.

8. Quốc phòng và An ninh

a) Quốc phòng

Năm 2019, công tác xây dựng lực lượng dân quân được duy trì hoạt động; công tác tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

b) An ninh

- Tập trung xây dựng lực lượng công an xã vững mạnh về mọi mặt, thực hiện hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn, đồng thời tăng cường tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an ninh trật tự cho người dân, qua đó đã nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân, nâng cao ý thức cảnh giác, góp phần làm tốt công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở nông thôn, xử lý tốt các vấn đề phức tạp phát sinh, tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Hằng năm UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tư trên địa bàn.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái Pháp luật, không để ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

- Trên địa bàn xã tổ chức 08 thôn mắc điện chiếu sáng trong phong trào "Ánh sáng an ninh" trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

9. Hệ thống chính trị

a) Tổng số đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2016 - 2021 là 28 đại biểu. Trong đó, trình độ đại học có 14 người, chiếm 50%; trung cấp có 03 người, chiếm 11%.

Lý luận chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 4%; trung cấp có 14 người, chiếm 50%, sơ cấp có 02 người chiếm 7%.

c) Xã có 21 cán bộ, công chức, gồm cán bộ 11 người, công chức là 10 người. Trong đó, trình độ đại học có 20 người, chiếm 95,2%; trung cấp 01 người, chiếm 4,8%.

Lý luận chính trị: Cao cấp 01 đồng chí, chiếm 4,8%; trung cấp 14 đồng chí, chiếm 66,7%; sơ cấp 06 đồng chí, chiếm 28,5%.

d) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã và ở 12 thôn là 170 người.

B. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN CƯ JÚT VÀ XÃ CƯ KNIA

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN CƯ JÚT

1. Lịch sử hình thành

Dưới thời Việt Nam Cộng hòa, huyện Cư Jút ngày nay thuộc quận Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 19/6/1990, huyện Cư Jút được thành lập theo Quyết định số 227/HĐBT trên cơ sở 5 xã: Ea T'Ling, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Ea Pô, Nam Dong của thị xã Buôn Ma Thuột (nay là thành phố Buôn Ma Thuột), gồm 36.400 ha diện tích tự nhiên với 18.379 nhân khẩu và 35.100 ha diện tích tự nhiên (toàn bộ là đất lâm nghiệp) của xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, khi đó thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26/5/1992, theo quyết định số 313-TCCP của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, thành lập xã Đắk Drông trên cơ sở thôn 5, thôn 6, buôn Dier, buôn U của xã Nam Dong, với 6.300 ha diện tích tự nhiên và 3.222 nhân khẩu; Thành lập thị trấn Ea T'Ling trên cơ sở 1.200 ha diện tích tự nhiên và toàn bộ dân số của xã Ea T'Ling; sáp nhập 2.010 ha diện tích tự nhiên còn lại của xã Ea T'Ling vào xã Trúc Sơn quản lý.

Ngày 21/01/1995, chuyển 3 xã Hòa Xuân, Hòa Phú, Hòa Khánh của thị xã Buôn Ma Thuột về huyện Cư Jút quản lý.

Ngày 15/8/2001, thành lập xã Cư Knia trên cơ sở 2.987 ha diện tích tự nhiên và 3.278 nhân khẩu của xã Trúc Sơn; thành lập xã Đắk Wil trên cơ sở 42.140 ha diện tích tự nhiên và 5.159 nhân khẩu của xã Ea Pô.

Năm 2003, huyện Cư Jút có thị trấn Ea T'Ling và 10 xã: Cư Knia, Đắk Drông, Đắk Wil, Ea Pô, Hòa Khánh, Hòa Phú, Hòa Xuân, Nam Dong, Tâm Thắng, Trúc Sơn.

Năm 2004, khi tỉnh Đắk Nông được thành lập trên cơ sở chia tách tỉnh Đắk Lắk, Cư Jút thuộc Đắk Nông. Cùng thời điểm này, 3 xã Hòa Xuân, Hòa Phú, Hòa Khánh được chuyển trở lại thành phố Buôn Ma Thuột quản lý. Huyện

Cư Jút còn lại 01 thị trấn và 07 xã như hiện nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Là huyện cửa ngõ của tỉnh tiếp giáp với thành phố Buôn Ma Thuột (cách Buôn Ma Thuột khoảng 20 km đường bộ). Huyện Cư Jút cách trung tâm tỉnh lỵ (thành phố Gia Nghĩa) khoảng 106 km về phía Đông Bắc, cách thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) khoảng 20 km. Ngoài ra huyện có khoảng 20 km đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia, giữ vị trí quan trọng trong công tác an ninh quốc phòng.

b) Địa giới hành chính

Huyện Cư Jút có tọa độ địa lý từ $12^0$00’ đến $12^0$50’ độ vĩ Bắc và từ $107^0$40’ đến $108^0$02’ độ kinh Đông, địa giới hành chính của huyện Cư Jút được xác định như sau:

- Đông giáp huyện Krông Nô và thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Nam giáp huyện Đắk Mil.
- Tây giáp Vương quốc Campuchia.
- Bắc giáp huyện Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

So với toàn tỉnh, Cư Jút là một trong những bình nguyên chuyển tiếp giữa cao nguyên Đắk Lắk và cao nguyên Đắk Mil, địa hình tương đối bằng phẳng ít chia cắt, độ cao trung bình 400 - 450 m so với mực nước biển.

Nằm giữa hai cao nguyên lớn là cao nguyên Đắk Nông - Đắk Mil, cao nguyên Buôn Ma Thuột và bình nguyên Ea Soup. Địa hình huyện Cư Jút thấp dần từ Đông sang Tây và từ Nam lên Bắc. Độ cao trung bình tại khu vực trung tâm huyện (phía Đông) 390 - 400 m, đỉnh cao nhất Yôk Chone cao 491 m, vùng núi thấp nhất giáp với xã Đắk Gằn - huyện Đắk Mil, khu vực giáp với Campuchia cao trung bình 300 - 320 m.

b) Khí hậu

Là bình nguyên chuyển tiếp giữa hai cao nguyên Đắk Lắk - Đắk Mil, huyện Cư Jút nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang tính chất chung của khí hậu Tây Nguyên nhiệt đới ẩm, nhưng do sự nâng lên của địa hình nên có đặc điểm rất đặc trưng của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên với nhiệt độ bình quân năm 24^0C. Nhiệt độ cao nhất trong năm 39^{o}C và nhiệt độ thấp nhất trong năm 20^{o}C, biên độ nhiệt ngày và đêm 10 - 15^0C. Hướng gió thịnh hành mùa mưa là Tây Nam, tốc độ 0,5m/s và mùa khô là Đông Bắc, tốc độ 4,5m/s. Tổng tích ôn lớn: 8.500^{0}C - 9000^{0}C, lượng bức xạ tổng cộng lý tưởng 230-250klCal/cm^2/năm, số giờ nắng: 2.200 - 2.500 giờ/năm, số giờ nắng bình quân trong ngày 6,2 - 6,6 giờ. Thời gian nắng cao nhất vào các tháng ít mưa

(tháng 1, 2), thời gian ít nắng nhất vào các tháng mưa nhiều (tháng 8, 9). Trong đó, có đến 7 tháng có số giờ nắng lớn hơn 200 giờ/tháng, năng lượng bức xạ cao, nên rất thích hợp cho các cây ưa sáng đạt hiệu suất quang hợp cao, đây là lợi thế cho việc tăng năng suất cây trồng.

d) Tài nguyên đất

Tài nguyên đất đai là nguồn tài nguyên tự nhiên quý của loài người và có tính giới hạn về không gian. Thực chất của quy hoạch sử dụng đất đai là bố trí sử dụng tài nguyên này một cách hợp lý và có hiệu quả. Muốn có một phương án quy hoạch sử dụng đất tốt, điều trước hết phải đánh giá tài nguyên đất (Land resources) một cách chắc chắn cả về số và chất lượng. Khái niệm tài nguyên đất đai ở đây có nghĩa rộng, không chỉ bao gồm là đặc tính thổ nhưỡng (soil) mà nó còn bao hàm một số điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng đến việc sử dụng đất đai như: Chế độ nước, địa hình, nền móng địa chất,... và khi đó nó hình thành đất đai (Land).

d) Tài nguyên rừng

Theo số liệu thống kê đất năm 2012 (phòng Tài nguyên và Môi trường), diện tích đất rừng của huyện là 36.962,85 ha , gồm: đất rừng phòng hộ 1.454,45 ha (theo QĐ số 511 QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt, công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2012 của tỉnh Đắk Nông là 1.459,60 ha), đất rừng đặc dụng 2.794,00 ha (theo QĐ số 511 QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt, công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2012 của tỉnh Đăk Nông là 2.905,90 ha) và đất rừng sản xuất là 32.714,40 ha (theo QĐ số 511 QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt, công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2012 của tỉnh Đăk Nông là 32.674,50 ha);

Rừng tự nhiên ở huyện Cư Jút thuộc hệ sinh thái rừng thường xanh phân bổ vùng núi cao Nam Tây Nguyên, đồng thời có sự giao thoa với hệ sinh thái rừng khộp là hệ sinh thái rừng khô hạn điển hình của Tây Nguyên và cũng là hệ sinh thái điển hình độc đáo của ba nước Đông Dương mang tính đa dạng sinh học cao với hệ động thực vật rất phong phú. Rừng tự nhiên ở đây có nhiều loại gỗ quý và cây đặc sản vừa có giá trị kinh tế, vừa có giá trị khoa học. Trong rừng có nhiều động vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ của nước ta và sách đỏ thế giới; rừng có nhiều loại dược liệu quý là nguồn nguyên liệu dồi dào để chế thuốc chữa bệnh trong y học dân tộc.

e) Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản vật liệu xây dựng như đất sét phân bố trên địa bàn các xã Trúc Sơn, xã Đắk D'rông có thể khai thác công nghiệp. Sản xuất gạch, ngói phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình kinh tế - xã hội cũng như xây dựng dân dụng cho khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh. Đá Basalt bọt (xã Ea Pô) làm nguyên liệu sản xuất gạch ốp lát cách âm, cách nhiệt, sợi chịu nhiệt…

Khoáng sản kim loại: trên địa bàn huyện Cư Jút còn có antimon (xã Đắk Wil) nhưng với trữ lượng thấp.

g) Tài nguyên nhân văn

Một trong những nguồn tài nguyên quý giá của đất nước đó là tài nguyên nhân văn. Có thể hiểu tài nguyên nhân văn bao gồm sức lao động của con người và những giá trị vật chất, văn hóa, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử. Khai thác đầy đủ và có hiệu quả lợi thế tiềm năng nguồn tài nguyên này để tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội là các định hướng cơ bản, xu thế tất yếu của thời đại. Huyện Cư Jút có lực lượng dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động chiếm trên 60% dân số toàn huyện, đây là một trong những thuận lợi lớn của huyện. Ngoài ra người dân địa bàn với tinh thần yêu nước, ý thức độc lập, tinh thần tự tôn dân tộc đã từng được phát huy cao độ trong chống ngoại xâm, giành và giữ độc lập thống nhất quốc gia, nay đã được chuyển sang cả lĩnh vực xây dựng đất nước, xây dựng huyện ngày càng phát triển.

Huyện Cư Jút ngày nay vốn có là vùng cư dân hình thành từ rất lâu của người M'Nông, Êđê một tộc người dân tộc tại chỗ, đặc trưng vùng Tây Nguyên với truyền thống sản xuất và sinh hoạt trải qua hàng trăm năm lịch sử tạo nên nhiều giá trị văn hoá bản địa hết sức đặc sắc. Những lễ hội văn hoá dân gian mang đậm nét dân tộc đặc trưng như lễ đâm trâu (ăn trâu), lễ mừng mùa, lễ bỏ mã, những món ẩm thực: cơm lam, rượu cần. Những điệu múa cổ truyền, những nhạc cụ dân tộc và kiến trúc cổ truyền nhà sàn, nhà rông, nhà dài sống chung nhiều thế hệ.

Hiện nay, nhiều làng nghề truyền thống ở Cư Jút hiện vẫn còn với các sản phẩm đan lát chế tác tre nứa (gùi, giỏ, cung tên, nhạc cụ…), sản phẩm dệt thổ cẩm (chăn, váy, y phục truyền thống, khăn…) các sản phẩm ở đây mang đậm nét đặc trưng riêng từ nguyên liệu, cách thức sản xuất và hình dáng mẫu mã, với mục đích ban đầu là phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ trong sản xuất và sinh hoạt của dân cư cộng đồng các dân tộc ít người. UBND huyện Cư Jút có chủ trương thành lập hợp tác xã thủ công mỹ nghệ và nghề truyền thống của đồng bào dân tộc bản địa với mục đích giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc tại chỗ. Trong quá trình giao lưu văn hoá, các sản phẩm độc đáo này trở thành sản vật đặc trưng của Tây Nguyên tại các buôn Trum, buôn Nui, buôn Buôr xã Tâm Thắng, buôn U1 thị trấn Ea T'Ling, buôn U xã Đắk Drông và buôn Trum xã Đắk Wil.

Có thể nói tài nguyên văn hoá của Cư Jút vừa có bản sắc rất riêng, mang đậm nét truyền thống bản địa vùng Tây Nguyên, đồng thời cũng là nơi giao thoa những truyền thống văn hoá của các vùng miền của đất nước Việt Nam.

4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2019, tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 72.069,88 ha, chiếm 11,06% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Trong đó:

a) Đất nông nghiệp là 66.936,56 ha, chiếm 92,88% ; gồm :

- Đất sản xuất nông nghiệp là 29.577,63 ha.

+ Đất trồng lúa là 3.075,33 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác là 8.676,04 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 17.826,26 ha.

- Đất lâm nghiệp là 36.676,40 ha.

+ Đất rừng sản xuất là 32.361,68 ha.

+ Đất rừng phòng hộ là 1.377,42 ha.

+ Đất rừng đặc dụng là 2.937,30 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 560,50 ha.

- Đất nông nghiệp khác là 122,02 ha.

b) Đất phi nông nghiệp là 4.730,20 ha, chiếm 6,56% ; gồm :

- Đất ở là 815,07 ha.

+ Đất ở nông thôn là 697,85 ha.

+ Đất ở đô thị là 117,22 ha.

- Đất chuyên dùng là 3.008,50 ha.

+ Đất trụ sở cơ quan, đơn vị là 10,21 ha.

+ Đất quốc phòng là 44,42 ha.

+ Đất an ninh là 5,08 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 82,17 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 339,36 ha.

+ Đất có mục đích công cộng là 2.527,25 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo là 11,55 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,33 ha.

- Đất nghĩa trang là 111,17 ha.

- Đất sông ngòi, kênh rạch là 742,42 ha

- Đất có mặt nước chuyên dùng là 18,21 ha

- Đất phi nông nghiệp khác là 22,93 ha

c) Đất chưa sử dụng là 403,13 ha, chiếm 0,56%.

5. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Năm 2019, dân số trung bình của huyện Cư Jút là 91.621 người. Mật độ dân số trung bình 127 người/km^2 (theo niên giám thống kê). Khảo sát biến động dân số của huyện Cư Jút cho thấy dân số của huyện tăng ở mức thấp 1,07% do làm tốt công tác kế hoạch hoá gia đình. Trong những năm qua huyện Cư Jút luôn quan tâm, ổn định và đảm bảo cuộc sống lâu dài cho đồng bào nhằm xây dựng, phát triển toàn diện các buôn, bon.

b) Lao động

Trong những năm gần đây, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội tương đối nhanh, nguyên nhân là do sức hút lao động từ khu vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại - dịch vụ trong và ngoài huyện. Năm 2019, lao động đang làm việc trong các lĩnh vực: công nghiệp và xây dựng cơ bản là 3.893 người, kinh doanh thương mại - dịch vụ du lịch là 8.234 người, nông lâm nghiệp là 36.667 người. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm là 603 người, đào tạo nghề cho 500 người.

Trình độ sản xuất không đồng đều giữa các khu vực kinh tế và mặt bằng dân trí chưa cao dẫn tới thu nhập bình quân đầu người chưa cao nên phần lớn các hộ đều thiếu vốn cho phát triển sản xuất và nhất là cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông hộ.

c) Thành phần dân cư

Thành phần dân tộc của huyện Cư Jút khá đa dạng, toàn huyện hiện có 23 dân tộc anh em sinh sống bao gồm: Kinh, Tày, Thái, Hoa, Khơ-me, Mường, Nùng, H'Mông, Dao, Gia-rai, Ngái, Êđê, Ba-na, Sán chay (cao Lan-sán-chi), Cơ ho, Chăm, Sán Dìu, Hrrê, Mnông, Thổ, Mạ, Khơ-mú, Tà-ôi đang sinh sống tại 12 buôn thuộc 07 xã trong huyện.

6. Hiện trạng phát triển kinh tế

Cư Jút là điểm gắn kết trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột (trung tâm tỉnh lỵ Đắk Lắk) với trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Đắk Nông là thành phố Gia Nghĩa theo Quốc lộ 14, đây là tuyến giao thông quan trọng trong giao lưu kinh tế khu vực Tây Nguyên. Đồng thời, Cư Jút cũng là điểm nối tiếp với trung tâm huyện Krông Nô thông qua Tỉnh lộ 4. Địa hình huyện Cư Jút thấp dần từ Đông sang Tây và từ Nam lên Bắc. Trên địa bàn huyện có khu du lịch thác Trinh Nữ, du lịch hồ Trúc, khu du lịch sinh thái dọc sông Sêrêpôk là địa danh nổi tiếng với hệ sinh thái đặc trưng; tạo điều kiện để phát triển ngành du lịch sinh thái.

Mặc dù vị trí nằm xa thành phố Gia Nghĩa - trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Đắk Nông, nhưng do liền kề với thành phố Buôn Ma Thuột - thành phố trung tâm của vùng Tây Nguyên, nên Cư Jút có cơ hội được hưởng sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội huyện.

Tổng giá trị sản phẩm năm 2019 đạt 1.407 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15,8%. Trong đó: Nông lâm nghiệp đạt 408 tỷ đồng, công nghiệp - xây dựng đạt 669 tỷ đồng, thương mại - dịch vụ đạt 330 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 là 45 triệu đồng/người.

Cơ cấu kinh tế huyện Cư Jút có mức độ chuyển dịch tích cực, gồm: Nông lâm nghiệp chiếm 29%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 48%; thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm 23%.

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn năm 2019 đạt 45 triệu đồng.

a) Phát triển nông, lâm nghiệp

- Trồng trọt: Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 408 tỷ đồng đạt 99,5% so với kế hoạch. Diện tích trồng lúa năm 2019 là 3.199 ha, năng suất bình quân 6,1 tấn/ha; diện tích trồng bắp là 7.430 ha, năng suất bình quân 6,30 tấn/ha; diện tích trồng rau là 609 ha, năng suất bình quân 20 tấn/ha; diện tích trồng đậu là 17.643 ha, năng suất bình quân 1,85 tấn/ha; khoai lang và khoai mỳ (sắn) chủ yếu được trồng trong vụ Hè Thu. Diện tích trồng khoai lang là 85 ha, năng suất bình quân 30 tấn/ha; diện tích trồng khoai mỳ là 1.280 ha, năng suất bình quân 16 tấn/ha.

Ngoài ra, địa bàn huyện còn phát triển mạnh cây công nghiệp, gồm: Cà phê, là một trong những cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện, diện tích 1.712 ha, năng suất bình quân 1,8 tấn/ha; Điều, là cây trồng có diện tích lớn thứ hai trên địa bàn huyện với 1.079 ha, sản lượng đạt 384 tấn; Cao su, là cây trồng có nhiều triển vọng trên địa bàn huyện với diện tích 2.505 ha, sản lượng đạt 248 tấn. Hồ tiêu, có diện tích 627 ha (diện tích cho sản phẩm là 349 ha), năng suất bình quân 1,1 tấn/ha. Ca cao, có diện tích 99 ha, diện tích cây ca cao chủ yếu được trồng mới trên địa bàn huyện. Cây ăn quả, tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện là 377 ha, chủ yếu là các loại cây như: Sầu riêng, mít, xoài, chuối, cam, quýt, nhãn, dứa... với sản lượng ước đạt 2.526 tấn.

- Chăn nuôi: Năm 2019, tình hình chăn nuôi trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do dịch cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi đã thiêu huỷ 1,41% tổng đàn heo (lợn) (1.016 con lợn), tuy nhiên được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương với tinh thần "Nhà nước và các hộ dân cùng chia sẻ" đã phần nào giảm thiệt hại; hiện nay dịch bệnh đã được dập tắt, ngành chăn nuôi từng bước khôi phục và phát triển để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi so với tổng giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2017-2019 tăng bình quân 13,6%/năm. Số lượng đàn bò, heo, gia cầm và gia súc liên tục tăng.

b) Phát triển công nghiệp - Xây dựng

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2019 là 669 tỷ đồng, trong đó giá trị công nghiệp đạt 458 tỷ đồng và xây dựng đạt 211 tỷ đồng, đạt 98,7% so với kế hoạch. Năm 2019, trên địa bàn huyện có 516 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Công nghiệp chế biến chiếm tỷ lệ lớn trong giá trị sản xuất, còn lại là công nghiệp khai thác và vật liệu gia dụng.

Sản phẩm trên địa bàn chủ yếu là mía đường, đậu phộng sấy, hạt điều nhân, cà phê nhân, đá xây dựng, các loại sản phẩm gỗ và lâm sản. Địa bàn huyện hiện có 1 cụm công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy đạt 80% diện tích,

c) Phát triển thương mại, dịch vụ

Trong những năm qua thương mại, dịch vụ là lĩnh vực có mức tăng trưởng khá, chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt các nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa. Thương mại phát triển, lưu thông hàng hóa thông suốt đã góp phần giảm bớt chênh lệch giá bán giữa các vùng, thúc đẩy sản xuất phát triển, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

Địa bàn huyện hiện có 2.478 cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó: doanh nghiệp tư nhân 60 cơ sở; hộ cá thể 2.418 cơ sở. Theo thành phần kinh tế thì thương mại 2.026 cơ sở; khách sạn - nhà hàng 372 cơ sở; dịch vụ 80 cơ sở.

Doanh thu thương mại, dịch vụ năm 2019 đạt 330 tỷ đồng.

7. Phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tào

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng dạy và học, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được hoàn thiện và tăng cường. Đến năm học 2018 - 2019, toàn huyện có 43 trường học với tổng diện tích là 54,18 ha, trong đó: Ngành học mầm non có 09 trường với 181 cán bộ công nhân viên, ngoài ra có 29 lớp mần non ngoài công lập với 719 học sinh; ngành học tiểu học có 18 trường chính với 667 cán bộ công nhân viên; ngành học trung học cơ sở có 11 trường với 483 cán bộ công nhân viên; ngành học trung học phổ thông 04 trường với 249 cán bộ công nhân viên và 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên với 12 cán bộ công nhân viên.

Toàn huyện có 09 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó: Mầm non 01 trường; tiểu học 05 trường; trung học cơ sở 03 trường.

Bình quân diện tích đất giáo dục trên địa bàn huyện trên một học sinh là 22,39 m^2/học sinh, trong đó: mẫu giáo - mầm non 11,72 m^2/ học sinh; tiểu học 23,04 m^2/ học sinh; trung học cơ sở 13,89 m^2/ học sinh, trung học phổ thông 18,46 m^2/ học sinh. Nhìn chung đến nay diện tích đất giáo dục bình quân trên đầu học sinh đến nay cơ bản đã đáp ứng yêu cầu, chỉ riêng bậc mẫu giáo mầm non thấp hơn nhiều so với quy định, nên trong thời gian tới cần quan tâm hơn nữa trong công tác xây dựng trường lớp ở bậc học này.

Tuy nhiên giáo dục đào tạo vẫn còn một số hạn chế, năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên nhìn chung chưa cao. Chất lượng giảng dạy và học tập ở các trường phổ thông, trung tâm và các lớp bổ túc văn hoá có tiến bộ, nhưng chưa vững chắc, chưa đồng đều giữa các trường trên cùng địa bàn và giữa các địa phương. Tiến độ xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm.

b) Y tế

Đến nay ngành y tế có 89 cán bộ, công chức, viên chức công tác ở 08 đơn vị trực thuộc nằm trên địa bàn thị trấn và 07 xã; 01 bệnh viện và 08 trạm y tế xã, thị trấn và các đội cộng tác viên tuyên truyền công tác phòng chống, chữa bệnh cho nhân dân.

Trong những năm qua, toàn huyện đã thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, gia đình, chăm sóc và bảo vệ trẻ em; đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh. Toàn huyện có 7/8 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

Các nguồn nhân lực y tế được phát triển bền vững, 62,5% các trạm y tế xã có bác sỹ, 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi, 100% thôn buôn đều có y tế thôn và hoạt động có hiệu quả. Số giường bệnh đạt 13,75 giường/vạn

dân; Số bác sỹ đạt 4,5 bác sỹ/vạn dân; Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 06 bác sỹ/08 trạm y tế; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối Iode đạt 98%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch 75%.

c) Văn hoá

Trong năm 2019 ngành văn hoá đã thực hiện khá tốt nội dung tuyên truyền, cổ động, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, tuyên truyền cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Thực hiện tốt công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Đã công nhận 77 thôn, bon, buôn, tổ dân phố, 78/90 cơ quan, đơn vị văn hoá và UNND các xã, thị trấn đã công nhận 14.025/19.814 hộ gia đình văn hoá. Trên địa bàn hiện nay có 01 xã văn hóa (xã Tâm Thắng), có 58/126 nhà văn hoá cộng đồng hoặc hội trường thôn.

Phong trào văn hoá, văn nghệ có nhiều hoạt động phong phú và đa dạng, với nhiều chương trình biểu diễn, hội thi, hội diễn phát triển sâu rộng tạo không khí vui tươi, phấn khởi và đoàn kết ở cơ sở.

Nhìn chung, với những cơ sở văn hoá đã đáp ứng phần nào nhu cầu sinh hoạt văn hoá của nhân dân và đây là tiềm năng lớn để phát huy văn hoá mang đậm đà bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, tính chất sinh hoạt văn hoá, văn nghệ hiện còn đơn điệu chưa được đầu tư xây dựng đúng mức nên chưa thu hút được nhận dân đến sinh hoạt thường xuyên. Đây là vấn đề cần được quan tâm nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong giai đoạn tới.

d) Thể dục - thể thao

Phong trào thể dục, thể thao của huyện phát triển khá mạnh, phong trào thể thao thành tích cao tiếp tục được quan tâm đầu tư và tuyển chọn những môn thế mạnh của địa phương, công tác đào tạo có trọng điểm nhằm đem lại thành tích cho huyện. Phong trào thể thao quần chúng ngày càng được mở rộng, thu hút đông đảo lực lượng quần chúng nhân dân tham gia và đạt được nhiều thành quả. Hiện nay trên địa bàn huyện có 07 sân bóng đá, trong đó có 02 sân bóng đá mini đạt tiêu chuẩn về diện tích. Đất dành cho thể dục thể thao là 6,61 ha gồm 03 sân vận động tại thị trấn Ea T'Ling, xã Tâm Thắng, xã Nam Dong.

Đến nay, phong trào rèn luyện thể dục thể thao quần chúng khá phát triển, số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng tăng.

Hoạt động thể thao, đặc biệt là phong trào thể thao nhân dân ngày càng được chú trọng. Phong trào thường xuyên được phát động nhân chào mừng các ngày lễ lớn, tạo sân chơi lành mạnh và bổ ích cho lực lượng thanh thiếu niên trên địa bàn huyện, xã. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn những khó khăn nhất là về điều kiện cơ sở vật chất.

8. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

Trong những năm qua, tỉnh và huyện đã chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát trển kinh tế, đã có tác động tích cực đến phát triển kinh tế huyện;

nhất là đối với dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách, nhưng so với yêu cầu phát triển thì chưa đáp ứng được nhu cầu.

a) Giao thông

Tổng diện tích đất giao thông trên địa bàn huyện Cư Jút là 1.719,76 ha, chiếm 66,20% diện tích đất phát triển hạ tầng, tương ứng với 30,55% diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện Cư Jút. Hiện nay trên địa bàn huyện có hai mạng lưới chính đó là giao thông liên tỉnh, liên huyện (gồm: Quốc lộ 14 và Tỉnh lộ 4) và mạng lưới giao thông liên xã; về bến bãi có 01 bến xe khách trên địa bàn thị trấn Ea T'Ling.

- Huyện Cư Jút có 2 tuyến đường giao thông đối ngoại quan trọng đó là Quốc lộ 14 đoạn qua huyện dài 14 km, chạy qua trung tâm huyện lỵ thị trấn Ea T'Ling và trung tâm các xã Tâm Thắng, Trúc Sơn, đã được rải nhựa bêtông, bề rộng trung bình nền 9 m, mặt 6 m nhưng hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng. Đây là tuyến giao thông huyết mạch của huyện, có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sự giao lưu trao đổi hàng hóa với trung tâm tỉnh lỵ Đắk Nông, khu vực Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ - Hồ Chí Minh. Tuyến quốc lộ 14C (đường biên giới), chạy dọc ranh giới với Campuchia về phía Tây huyện, hiện trạng là đường tiêu chuẩn cấp V Miền núi, đoạn qua huyện dài 12 km mặt cấp phối, bề rộng trung bình nền 7,5 m, mặt 3,5 m chỉ qua xã Đắk Wil, là tuyến hành lang biên giới phục vụ cho công tác bảo vệ an ninh quốc phòng. Tỉnh lộ 4 (ĐT 684) nối liền Cư Jút - Krông Nô - Đắk Glong - Gia Nghĩa: là tuyến giao thông nối trung tâm huyện với huyện Krông Nô và vùng phía Nam tỉnh Đắk Nông, đoạn qua huyện dài 5 km thuộc thị trấn Ea T'Ling đạt tiêu chuẩn cấp IV Miền núi, nền 9 m, mặt 7 m, rải nhựa. Về lâu dài sau khi được nâng cấp và thông tuyến sẽ kết nối huyện với vùng công nghiệp phía Nam của tỉnh Đắk Nông (Khu công nghiệp Đắk Ha, Mỏ Bauxít (Quảng Sơn) và các điểm du lịch sinh thái thì tuyến này sẽ có vai trò rất lớn trong việc phát triển kinh tế công nghiệp, thương mại - du lịch của huyện.

- Mạng lưới đường giao thông đối nội của huyện Cư Jút hiện có 69 km, trong đó có 31 km được láng nhựa là đoạn qua trung tâm các xã còn lại 38 km là đường cấp phối và đất tự nhiên, cầu cống chủ yếu là bán kiên cố, tạm, một số tuyến thuờng bị gián đoạn lưu thông vào mùa mưa.

- Bến xe khách thuộc thị trấn Ea T'Ling với quy mô diện tích chiếm đất là 0,8 ha hiện đã được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động.

b) Cấp điện

Địa bàn huyện Cư Jút được phân phối điện lưới quốc gia qua trạm cao thế 500kV, trung thế 110kV/35/22kV, công suất 1x25 MVA. Lưới trung thế có 2 cấp điện áp 35kV và 22kV. 100% xã, thị trấn đã có điện, 100% thôn, buôn có điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện toàn huyện đạt 98% tổng số hộ toàn huyện, sản lượng điện 56.584.000 KW. Nguồn điện không ổn định, thường hay cúp điện vào mùa khô nên khả năng phục vụ cho sản xuất còn hạn chế. Tổng diện tích đất công

trình năng lượng là 771,51 ha, chiếm 13,71% diện tích đất phi nông nghiệp, tương ứng với 1,07% tổng diện tích tự nhiên.

c) Bưu chính - viễn thông

Hiện trên địa bàn huyện 100% xã, thị trấn có phủ sóng điện thoại, bưu điện liên lạc quốc tế, trong nước thuận tiện và nhanh chóng và thông suốt liên tục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, quản lý, sản xuất và đáp ứng tốt nhu cầu về thông tin liên lạc của nhân dân.

Internet có bước phát triển mới trong cộng đồng, đã lắp đặt các cổng thuê bao đến các phòng ban trên địa bàn huyện đã có cổng Internet tốc độ cao.

Triển khai các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình của Trung ương như: tin học cho khối Đảng, đề án 112 và tăng cường thiết bị cho các ban, ngành đảm bảo chặt chẽ, phát huy được tác dụng trong quản lý và điều hành, đến nay hầu hết các cơ quan đã ứng dụng phần mềm M-office phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan.

Bưu chính, ngoài chuyển phát, mở thêm nhiều hình thức dịch vụ mới như: Điện hoa, bưu phẩm chuyển phát nhanh EMS, tiết kiệm bưu điện, chuyển tiền nhanh, bảo hiểm bưu điện…. hoạt động có hiệu quả và đa dạng.

9. Công tác quốc phòng - an ninh

Quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những năm qua tỉnh đã chú trọng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và làm tốt công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ đạt 100%. Công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được triển khai tích cực cùng với việc nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương.

Công tác an ninh và trật tự an toàn xã hội được quan tâm chỉ đạo, đề cao cảnh giác và chủ động đấu tranh với âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và những biểu hiện lợi dụng hoạt động tôn giáo để chống phá chính quyền. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng công an cơ sở tiếp tục được củng cố, tăng cường. Phong trào tự quản về an ninh trật tự gắn với việc xây dựng thôn, bon, buôn, tổ dân phố… bình yên, gia đình hoà thuận được đẩy mạnh. Công tác phòng ngừa và chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm được nhiều lực lượng phối hợp tham gia, góp phần quan trọng vào việc giữ vững trật tự an ninh quốc gia, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong các giai đoạn phát triển.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ CƯ KNIA

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Cư Knia nằm ở phía Nam của huyện Cư Jút cách trung tâm huyện khoảng 15 km, có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Trúc Sơn;

- Phía Tây giáp xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil;

- Phía Nam giáp Đắk Gằn, huyện Đắk Mil;

- Phía Bắc giáp xã Đắk Drông và Nam Dong;

2. Diện tích tự nhiên, dân số

Xã Cư Knia có diện tích tự nhiên là 2.960,28 ha; tổng số dân số trên địa bàn là 1.927 hộ với 8.805 nhân khẩu gồm 12 dân tộc anh em cùng chung sống ở 12 thôn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019 tổng diện tích đất tự nhiên của xã Cư Knia là 2.960,28 ha. Trong đó:

a) Đất nông nghiệp là 2.561,77 ha.

- Đất sản xuất nông nghiệp là 2.435,37ha.

+ Đất trồng cây hàng năm là 905,20 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 1.530,16 ha.

- Đất lâm nghiệp là 0,68 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 45,63 ha.

- Đất nông nghiệp khác là 80,09 ha.

b) Đất phi nông nghiệp là 396,41 ha.

- Đất ở là 53,49 ha.

- Đất chuyên dùng là 293,84 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,21 ha.

+ Đất quốc phòng là 2,51 ha

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 6,98 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 28,27 ha.

+ Đất có mục đích công cộng là 255,80 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng là 0,23 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 25,61 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 23,06 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng là 0,18 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 2,09 ha.

4. Phát triển kinh tế

Tổng thu nhập trên địa bàn đạt 333,6 tỷ đồng, đạt 133% mục tiêu Nghị quyết, tăng 104 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng, ngành nông nghiệp - lâm nghiệp chiếm 63%; thương mại - dịch vụ chiếm 29%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng chiếm 8%.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 38,15 triệu đồng. Thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 15%; huy động vốn của toàn xã hội đầu tư cho phát triển bình quân hàng năm trên 1,5 tỷ đồng.

a) Phát triển nông nghiệp

Nông nghiệp phát triển khá toàn diện. Quy mô, năng lực của sản xuất nông nghiệp tăng lên rõ rệt, cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển dịch theo hướng tích cực phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và trình độ canh tác của người dân, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh, năng suất nhiều loại cây trồng được nâng lên. Đến năm 2019, tổng diện tích gieo trồng là 3.372/3.330 ha, đạt 101% Nghị quyết HĐND xã đề ra.

Chăn nuôi cơ bản phát triển khá trở thành thế mạnh của xã chiếm 15% giá trị ngành nông nghiệp. Năm 2019, tổng đàn trâu, bò là 2.010 con, tăng 44% so với kế hoạch.

b) Phát triển tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản

Tiểu thủ công nghiệp phát triển còn chậm, năm 2019 địa bàn xã có tổng số 130 cơ sở tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản, chủ yếu là xay sát, gia công gỗ, vật liệu xây dựng, cơ khí và sửa chữa góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn, từng bước giải quyết được sản xuất từ nông nghiệp và nguồn lao động ở địa phương

c) Phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ

Xã chưa hình thành được chợ tập chung, các điểm mua bán chủ yếu là tự phát hoạt động thương mại dịch vụ phát triển. Địa bàn xã hiện có 170 cơ sở thương mại, dịch vụ tăng 12 cơ sở so với năm 2018. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ năm 2019 đạt 69 tỷ đồng. Thương mại ngày càng phát triển, hàng hóa đa dạng, bảo đảm chất lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân.

d) Về phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Địa bàn xã hiện có 04 hợp tác xã, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay có 02 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, chiều hướng ổn định, mức độ khá tốt và 02 hợp tác xã tạm dừng hoạt động.

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 đạt 3.430 ha, đạt 100% mục tiêu kế hoạch đề ra, trong đó diện tích cây hàng năm là 2.100 ha, cây lâu năm là 1.330 ha. Về chăn nuôi, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm ổn định, chăn nuôi phát triển ổn định do giá cả tăng cao, không xảy ra các loại dịch bệnh nguy hiểm nên người dân tích cực tái đàn. Đàn trâu hiện có 720 con, đàn bò có 1.200 con, heo có 8.000 con, gia súc 18.000 con, Dê có 1.000 con.

đ) Công tác thu ngân sách được đẩy mạnh có nhiều tiến bộ hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao. Năm 2019 tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 12 tỷ đồng, tăng 9 tỷ đồng so với năm 2015.

Chi ngân sách năm 2019 là 9 tỷ đồng, tăng 17% so với kế hoạch. Chi ngân sách chủ yếu tập trung chi cho đầu tư phát triển đường giao thông nông thôn, chi thường xuyên, chi phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

5. Về văn hóa - xã hội

a) Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hàng năm được quan tâm, thường xuyên làm tốt công tác thông tin tuyên truyền cổ động các chủ trương, chính sách của đảng, nhà nước; Tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao nhân dịp các ngày Lễ, Tết. đã đẩy mạnh việc thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hoá, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trong xã tiếp tục được giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống dân tộc

- Công tác thông tin tuyên truyền đã phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương xã. Đã có 100% số thôn có loa phát thanh; 100% số thôn được phủ sóng truyền hình; xã đã có 01 điểm bưu điện văn hoá.

- Việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng: Trong những năm đã tổ chức thực hiện tốt công tác chăm lo đối tượng chính sách, nhất là giải quyết những bức xúc về nhà ở của các đối tượng chính sách, Ngoài ra nhân dịp các ngày lễ, Tết hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ (27/7) xã tổ chức vận động các đoàn thể, cán bộ, nhân dân đóng góp hàng trăm phần quà để tặng cho các gia đình thương binh liệt sỹ. Bên cạnh đó Đảng bộ cũng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc chăm lo cho các đối tượng chinh sách, người có công trên địa bàn.

b) Công tác giáo dục - đào tạo

- Quy mô trường lớp và cơ sở vật chất ở các cấp học từng bước được đầu tư, xây dựng phát triển đáp ứng cơ bản nhu cầu học của các em trên địa bàn, không còn tình trạng học ca 3; trên địa bàn xã có 04 trường công lập và 03 phân hiệu với 1.902 học sinh (tăng 108 học sinh so với đầu nhiệm kì), ngoài ra còn có 1 nhóm trẻ, lớp tư thục Hương Sen.

Công tác giáo dục đào tạo luôn được quan tâm, tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp mẫu giáo và các bậc học hàng năm đều đạt 100% kế hoạch ngành giao (Nghị quyết là 98%); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 96%, THCS đạt trung bình 97%, Giữ vững xã đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập THCS. Đến nay xã đã có 75% số trường đạt chuẩn Quốc gia, gồm 3 trường là Trường THCS Nguyễn Trãi và trường tiểu học Chu Văn An, Trường tiểu học Hùng Vương.

Hội khuyến học và Trung tâm học tập cộng đồng cũng được hình thành có nhiều cố gắng trong hoạt động, đã làm tốt công tác khen thưởng cho học sinh, giáo viên có thành tích; vận động quyên góp mua xe đạp, tập vở, quần áo và học bổng tặng học sinh nghèo khó khăn với tổng số tiền trên 100 triệu đồng; tổ chức 32 lớp học chuyên đề về kiến thức pháp luật và chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay các trường trên địa bàn xã còn thiếu giáo viên (nhất là bậc tiểu học và THCS ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục)...

c) Về văn hóa - thông tin, thể dục thể thao

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hàng năm được quan tâm, thường xuyên làm tốt công tác thông tin tuyên truyền cổ động các chủ trương, chính sách của đảng, nhà nước; Tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao nhân dịp các ngày Lễ, Tết đã đẩy mạnh việc thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"; xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hoá, thực hiện tốt việc cưới, việc lễ hội, bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trong xã tiếp tục được giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống dân tộc.

Đến nay có.trên 1.459 hộ gia đình văn hoá chiếm 86%; 100% thôn đạt văn hóa, 100% số thôn có hội trường; 11/12 thôn có cổng văn hoá (thôn 11 chưa có cổng văn hoá), 6/12 thôn có hệ thống điện đường thắp sáng, có 01 nhà văn hoá, 01 sân vận động của xã; các thiết chế văn hoá cơ bản được đầu tư xây dựng và dần được hoàn thiện và xã đạt xã văn hoá

- Công tác thông tin tuyên truyền đã phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương xã đã có 100% số thôn có loa phát thanh; 100% số thôn được phủ sóng truyền hình; xã đã có 01 điểm bưu điện văn hoá.

d) Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

Các mặt hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được quan tâm, luôn chỉ đạo thực hiện các chương trình y tế quốc gia, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống uốn ván sơ sinh và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết và các bệnh nguy hiểm khác. Đồng thời thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn, vệ sinh học đường tại các trường, vận động nhân dân ăn ở sạch sẽ, dùng nước hợp vệ sinh. Trạm Y tế thường xuyên đảm bảo chế độ trực kịp thời khám và điều trị bệnh cho nhân dân. Trong 5 năm qua đã khám và điều trị cho 35.693 trường hợp, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng năm 2018 là 20,2%, đến nay giảm xuống còn 18,7%. Ngoài ra các dịch vụ y tế tư nhân cũng được phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhân dân trong việc khám, chữa bệnh.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình thường xuyên được quan tâm thực hiện, hàng năm tổ chức vận động nhân dân nhất là đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc và các đối tượng gia đình nghèo đông con thực hiện tốt các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Từ đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,16% năm 2018, đến nay còn 1,08%.

Trạm y tế xã đã được cấp trên công nhận trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

đ) Thực hiện chính sách xã hội

- Nhìn chung hoạt động tôn giáo trên địa bàn xã cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật, an ninh chính trị được đảm bảo, các tổ chức tôn giáo, điểm nhóm tôn giáo đều hoạt động theo chương trình đăng ký hàng năm, duy trì mối quan hệ thường xuyên, thiện chí với cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể. Về

tôn giáo tính đến nay toàn xã có 02 điểm nhóm Tin Lành và 01 Chi hội với 539 hộ và 2.894 tín đồ.

- UBND xã tổ chức điều tra, rà soát số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo hoàn thành đúng thời gian quy định; Thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo, trong đó chú trọng các giải pháp khuyến khích người nghèo tự vươn lên thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Hàng năm tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ (ngày 27/7) và tết âm lịch hàng năm trên tinh thần thiết thực, nghĩa tình. Thường xuyên chỉ đạo UBND xã thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo tại cơ sở. Phát huy tinh thần tự lực tự cường, tự vươn lên của đồng bào trong cộng đồng dân cư. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa; triển khai các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, đặc biệt là tai nạn đuối nước trong dịp hè; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn**.**

e) Một số chỉ tiêu phát triển xã hội

- Đến cuối năm 2019 số trường học đạt chuẩn Quốc gia là 3/4 trường đạt 75%, huy động trên 98% trẻ em trong độ tuổi đến trường; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

- 100% đạt chuẩn Quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi 18,5%.

- 100% số hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh.

- 100% các thôn làm tốt công tác thu gom, xử lý rác thải.

- Gia đình công nhận văn hoá hàng năm trên 86% hộ.

-100% thôn đạt thôn văn hoá; 12/12 thôn có nhà văn hoá; 11/12 thôn có cổng văn hoá; Cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa

- Hộ nghèo năm 2015 là 20,6% đến nay giảm còn 4,72%; đào tạo nghề hàng năm trên 70 lao động.

6. Quốc phòng, an ninh

Đảng ủy luôn quan tâm đến công tác quốc phòng an ninh tại địa phương; thường xuyên lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh Nhân dân; chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự tăng cường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể và ban quản lý các thôn, chủ động nắm chắc diễn biến tình hình giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Lực lượng dân quân xã luôn được chăm lo xây dựng vững mạnh toàn diện; là lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo

bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã; chất lượng chính trị, độ tin cậy của lực lượng vũ trang ngày càng cao; công tác Đảng, công tác chính trị được tăng cường. Hằng năm, làm tốt công tác huấn luyện, giáo dục chính trị, rà soát, đăng ký lực lượng dự bị động viên; công tác tuyển chọn thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự được chú trọng, hằng năm đạt vượt chỉ tiêu trên giao; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư xây dựng. Công tác hậu cần được đảm bảo; chính sách hậu phương quân đội được quan tâm đúng mức. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng hàng năm đều được đảm bảo kế hoạch, ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên rõ rệt. Kế hoạch chiến đấu phòng thủ luôn được điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Lực lượng công an làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường hoạt động bảo vệ nền Đảng, Chính quyền và Nhân dân. Phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể tuyên truyền vận động quần chúng. Chủ động bám, nắm, kiểm soát, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn trên địa bàn xã. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ vi phạm pháp luận xảy ra, tội phạm ma túy, trộm cắp cờ bạc… Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân được quan tâm và giải quyết kịp thời; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, thực hiện tốt công tác quản lý nhân hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng.

7. Phát triển hạ tầng

a) Giao thông

Đường giao thông liên thôn là 17,84 km, hoàn thành việc rải nhựa và bê tông hóa là 15,04 km, đạt 84%; đường giao ngõ, xóm là 23,5 km, hoàn thành 11,1 km, đạt 47%; đường giao nội đồng là 16 km, hoàn thành 11,9 km, đạt 74%.

b) Về cấp điện

Đã xây dựng, nâng cấp hệ thống lưới điện theo tiêu chuẩn quốc gia đảm bảo 98% thôn và 100% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; xây dựng hệ thống điện chiếu sáng hiện nay có 6 thôn/12 thôn trên trục đường của thôn, khoảng 6 km, từ nguồn xã hỗ trợ và nhân dân đóng góp

c) Về thủy lợi

Xã có 01 công trình thủy lợi và xây dựng 01 hệ thống trạm bơm từ nguồn ngân sách cấp trên. Phục vụ nước tưới cho các loại cây trồng có nhu cầu tưới

d) Cấp nước

Trên địa bàn xã đến nay có 8 công trình nước tập trung. Tuy nhiên hiện nay chỉ còn 02 công trình hoạt động.

đ) Về môi trường

Hiện nay 10/12 thôn đăng ký thu gom rác thải, còn 02 thôn xa trung tâm không thuận tiện cho việc thu gom đã tự lý bằng cách đào hố chôn lấp

8. Xây dựng hệ thống chính trị

Giữ vững ổn định chính trị, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Hàng năm có trên 98% cán bộ, đảng viên, 75% quần chúng nhân dân được học tập, tuyên truyền phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

Có trên 55,3% tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong nhiệm kỳ kết nạp được 50 đảng viên đạt 100% kế hoạch.

B. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN KRÔNG NÔ VÀ CÁC XÃ, THỊ TRẤN CÓ LIÊN QUAN

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN KRÔNG NÔ

1. Lịch sử hình thành

Huyện Krông Nô được thành lập trên cơ sở các xã Quảng Phú, Đức Xuyên thuộc huyện Đắk Nông; các xã Nam Ka, Earbin thuộc huyện Lắk và các xã Nâm Nung, Nam Đà, Đắk Rồ thuộc huyện Đắk Mil.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Huyện Krông Nô nằm phía Đông của tỉnh Đắk Nông cách trung tâm thành phố Gia Nghĩa khoảng 91 km theo Quốc Lộ 28, có tổng diện tích tự nhiên 81.374,20 ha, gồm 12 đơn vị hành chính (11 xã và 01 thị trấn); có toạ độ địa lý từ 12º11’16” đến 12º33’12” độ vĩ Bắc và từ 107º41’52” đến 108º05’41” độ kinh Đông. Địa giới hành chính như sau:

- Phía Nam giáp huyện Đắk G’long, tỉnh Đắk Nông;

- Phía Bắc giáp huyện Cư Jút và huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;

- Phía Tây giáp huyện Đắk Mil và huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Phía Đông giáp huyện Krông Ana và huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Huyện Krông Nô có các tuyến giao thông quan trọng chạy qua trung tâm huyện tuyến Quốc lộ 28 đoạn qua huyện dài 54,5 km, nối Quốc lộ 14 với huyện và thành phố Gia Nghĩa; tuyến tỉnh lộ 3 đi thị trấn Đắk Mil, đoạn qua huyện dài 20 km đã được đầu tư nâng cấp; Có nhiều di tích, thắng cảnh nổi tiếng đã được biết đến như thác Dray Sáp, khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, khu căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV, khu di tích lịch sử N’Trang Gưr, công viên địa chất và hệ thống hang động Núi lửa; có nhiều tiềm năng về thủy điện đã và đang được khai thác. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nhanh nền kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trở thành một trong những hạt nhân về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

Địa hình huyện Krông Nô đa dạng và được chia thành ba dạng chính:

- Dạng địa hình núi cao: phân bố về phía Tây và phía Nam của huyện, chiếm khoảng 51% tổng diện tích tự nhiên. Địa hình chia cắt mạnh, độ dốc trung bình cấp V, VI, độ cao trung bình từ 800 - 1.200 m so với mặt nước biển. Các xã Đắk Nang, Đức Xuyên, Nâm Nung, Nâm N'Đir, khu bảo tồn Nam Nung mang nét đặc trưng của dạng địa hình này.

- Dạng địa hình đồi núi thấp đến trung bình: Tập trung ở phía Bắc và trung tâm huyện, chiếm khoảng 39% tổng diện tích, độ cao trung bình 450 - 600 m so với mặt nước biển; độ dốc trung bình cấp II đến cấp IV. Tập trung ở các xã Đắk Sôr, Nam Đà, thị trấn Đắk Mâm. Đây là dạng địa hình được hình thành từ đá mẹ chủ đạo là đá sét và biến chất, đá Basalt và đá granit.

- Dạng địa hình thung lũng: Tập trung phía Đông, dọc theo dòng sông Krông Nô và các suối lớn, chủ yếu ở các xã Đức Xuyên, Buôn Choáh, Đắk Nang, Nâm N'Đir, chiếm khoảng 10% tổng diện tích, độ dốc trung bình cấp I, II, độ cao trung bình 400 - 450 m so với mặt nước biển. Khu vực này chủ yếu được hình thành do quá trình bồi lắng phù sa, hình thành nên những cánh đồng màu mỡ ven sông Krông Nô và các suối chính trên địa bàn.

b) Khí hậu, thời tiết

Khí hậu huyện Krông Nô mang nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa Cao nguyên. Thời tiết hàng năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, chiếm trên 84% lượng mưa cả năm; mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể, trong đó tháng 2 và tháng 3 hầu như không mưa.

c) Thuỷ văn

Krông Nô nằm trong khu vực chân sườn Tây của lưu vực sông Krông Nô nên nguồn nước mặt tương đối ổn định, chủ yếu tập trung trên các suối chính như suối Đắk Sôr, suối Đắk Mâm, suối Đắk Nang, suối Đắk Rồ, suối Đắk P'ri... Mật độ sông suối trên địa bàn huyện là 0,4 - 0,6 km/km2, do địa hình phức tạp, hệ thống sông suối có độ dốc lớn, lòng suối hẹp và có nhiều thác ghềnh.

d) Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng

Theo báo cáo quy hoạch khoáng sản tỉnh Đắk Nông tại huyện Krông Nô, tài nguyên khoáng sản tiềm năng lớn, đã phát hiện có 44 mỏ và điểm mỏ quặng. Trữ lượng đá Basalt bọt có trữ lượng 81,2 triệu m^3; đá Basalt 9,2 triệu m^3; đất sét làm gạch 15,92 triệu m^3; Cát xây dựng trữ lượng 5,78 triệu m3, phân bố tại các xã Quảng Phú, Đức Xuyên; và các loại khoáng sản khác: Than bùn, Đá Opan, Đất sét tập trung ở các xã Quảng Phú, Nâm Nung, Tân Thành, Buôn Chóah, Nam Đà.

Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện không đa dạng; ngành khai khoáng phát triển còn chậm; chưa phát huy tiềm năng thế mạnh; nhưng có ý nghĩa quan trọng cho việc phát triển ngành công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu xây dựng sản xuất xi măng, gạch không nung, cát, đá xây dựng

4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019 huyện Krông Nô có tổng diện tích tự nhiên là 81.374,20 ha, chiếm 12,50% diện tích tổng tự nhiên toàn tỉnh. Diện tích, cơ cấu các nhóm đất như sau:

a) Diện tích đất nông nghiệp là 73.145,30 ha, chiếm 89,89%. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 54.065,48 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm là 25.376,25 ha.

+ Đất trồng lúa là 2.541,86 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác là 22.834,39 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 28.689,23 ha.

- Đất lâm nghiệp là 18.574,60 ha chiếm 22,83%.

- Đất rừng sản xuất 2.874,60 ha.

- Đất rừng phòng hộ là 5.306 ha.

- Đất rừng đặc dụng là 10.394 ha.

- Đất nuôi trồng thuỷ sản là 430,13 ha.

- Đất nông nghiệp khác là 75,11 ha.

b) Diện tích đất phi nông nghiệp là 7.265,57 ha, chiếm 8,93%. Trong đó:

- Đất ở là 619,48 ha.

+ Đất ở nông thôn là 564,07 ha.

+ Đất ở đô thị là 55,41 ha.

- Đất chuyên dùng là 4.777,64 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 13,35 ha.

+ Đất quốc phòng là 1.418,94 ha.

+ Đất an ninh là 2,01 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 93,77 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 98,68 ha.

+ Đất có mục đích công cộng là 3.150,88 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo là 3,46 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 66,40 ha.

+ Đất sông ngòi, kênh rạch, suối là 1.548,79 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng là 212,10 ha.

+ Đất phi nông nghiệp khác là 37,70 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 963,32 ha, chiếm 1,18%.

5. Dân số, lao động

a) Dân số

Dân số của huyện Krông Nô đến năm 2019 là 19.852 hộ/81.966 nhân khẩu; mật độ dân số trung bình 100,7 người/km^2; gồm 20 thành phần dân tộc cùng sinh sống: Dân tộc Kinh, nhóm dân tộc di cư Tày, Dao, Nùng, Mường và 2 dân tộc bản địa (M'Nông và Ê Đê). Trong đó, dân tộc Kinh có 10.982 hộ/44.557 khẩu chiếm tỉ lệ 55,3%, các dân tộc còn lại có 8.870 hộ/37.409 khẩu, chiếm tỷ lệ 44,7% tổng dân số toàn huyện.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,31%. Nhìn chung tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao; tỷ lệ giảm sinh trung bình hàng năm 0,15%.

b) Lao động:

Do chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, dẫn đến thay đổi cơ cấu lao động làm việc trong các ngành kinh tế. Số lao động có việc làm 39.180 người/năm; số lao động thiếu việc làm ở nông thôn 1.520 người (trung bình 01 năm/300 người); số hộ được vay vốn tạo việc làm 1.738 hộ (trung bình 320 hộ/01 năm).

Lao động trên địa bàn chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, vốn đầu tư thấp, dẫn đến thu nhập chưa cao, đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ người lao động qua đào tạo còn thấp, số lao động có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chưa nhiều, trình độ dân trí còn thấp không đồng đều, đời sống đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; dân số phân bố không đồng đều, dân cư nông thôn 94,77%; thành thị 5,23% tổng dân số toàn huyện.

6. Thực trạng phát triển kinh tế

a) Tăng trưởng kinh tế

Trong giai đoạn từ 2017 - 2019, kinh tế huyện Krông Nô đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 11%/năm, tuy vậy do giá cả không ổn định nên tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá thực tế cũng không ổn định.

Năm 2019, tổng giá trị sản phẩm đạt 4.308 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,96%/năm.

b) Cơ cấu kinh tế

Trong những năm qua cơ cấu kinh tế của huyện đã từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, đồng thời giảm tỷ lệ của ngành nông nghiệp, tuy nhiên mức độ chuyển dịch còn chưa cao.

Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,81%; thương mại dịch vụ chiếm 22,5%; nông nghiệp giảm xuống 58,69%. Sự gia tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp góp phần quan trọng trong sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sử dụng lao động với số lượng tương ứng; lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân.

c) Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

- Nông lâm, thuỷ sản .

Giai đoạn vừa qua nông - lâm - thủy sản vẫn là ngành sản xuất chính của huyện, nên trong những năm qua đã được chú trọng phát triển cả về quy mô, năng suất và hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng cả khu vực nông - lâm - thủy sản đạt 11,96%/năm, trong đó nông nghiệp tăng 10,55%/năm, ngành lâm nghiệp giảm với tốc độ 4,29%/năm, ngành thủy sản tăng 1,94%/năm.

Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch chậm (nông nghiệp luôn đóng vai trò chính, với trên 95% qua các năm). Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản năm 2019 đạt 3.085,45 tỷ đồng, tăng 2.696,38 tỷ đồng so với năm 2015; chiếm 58,69% trong cơ cấu kinh tế; đạt 61,6 triệu đồng/1ha canh tác; giá trị ngành chăn nuôi đạt 286,5 tỷ đồng, chiếm 11,93%.

b) Thực trạng kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng

Hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục duy trì phát triển khá ổn định. Các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thế mạnh của huyện như mộc dân dụng, khai thác đá, cát, sản xuất gạch, gia công cửa sắt, cán tôn,... tiếp tục tăng trưởng. Giá trị sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện năm 2019 đạt 1.080 tỷ đồng đạt 98% so với chỉ tiêu kế hoạch (1.080 tỷ đồng/1.101,1 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp - xây dựng hàng năm là 10,8%;

Năm 2019, toàn huyện có 402 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng, tăng132 cơ sở so với năm 2015. Tuy nhiên, quy mô các cơ sở còn nhỏ, trình độ và năng lực sản xuất còn hạng chế, nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển còn chậm thấp, chủng loại hàng hóa chưa đa dạng và thiếu tính cạnh tranh. Huyện có cụm công nghiệp Krông Nô ở xã Nam Đà, Đắk Drô quy mô 25 ha đang thu hút mời gọi đầu tư.

Giá trị ngành công nghiệp xây dựng tập trung vào giá trị ngành khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; gia công cơ khí, nước máy và giá trị sản xuất điện của Công trình thủy điện Buôn Tua Srah, xây dựng, phát triển hạ tầng. Một số dự án sản xuất công nghiệp như: Nhà máy chế biến rau, củ quả, nhà máy chế biến tinh bột sắn, khai thác than bùn… đang trong giai đoạn thu hút và chuẩn bị đầu tư. Số lượng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông, lao động bán thời vụ, trình độ kỹ thuật, chuyên môn thấp.

Do năng lực tài chính có hạn, quy mô sản xuất nhỏ, mặt bằng sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thiếu quy hoạch, định hướng. Chủ yếu đáp ứng cho nhu cầu hiện tại, tận dụng hạ tầng sẵn có để hoạt động.

c) Thương mại - dịch vụ

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn huyện năm 2019 đạt 2.220 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch. Trong năm 2019 thực

hiện cấp được 236 giấy phép đăng ký kinh doanh với tổng vốn đăng ký là 83.618 triệu đồng (cấp mới 166 giấy phép, cấp đổi 70 giấy phép).

Địa bàn huyện có 1.767 cơ sở hoạt đồng thương mại, dich vụ, cung cấp đa dạng hơn các loại hình sản phẩm, các dịch vụ thiết yếu, tiêu thụ nông sản hàng hóa thuận lợi hơn, nhưng quy mô còn nhỏ, thu hút chưa nhiều lao động. Các điểm vui chơi giải trí đã thu hút các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng và triển khai các dịch vụ du lịch tham quan, bước đầu có triển vọng.

- Huyện có tổng số chợ là 07 (chợ)/12 (xã, thị trấn), trong đó: có 04 chợ đã được đầu tư xây dựng là chợ thị trấn Đắk Mâm, chợ xã Nâm N'Đir, Nam Đà và Nâm Nung); còn lại là 03 chợ tạm nằm trong diện quy hoạch nhưng chưa được đầu tư xây dựng, gồm chợ xã Đắk Drô, Đức Xuyên và Quảng Phú. Hầu hết các chợ có hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, công trình vệ sinh chưa đáp ứng nhu cầu. Công tác thu gom rác thải, vệ sinh môi trường tại các chợ chưa được đảm bảo, nguồn nước thãi chưa được xử lý; cách bố trí, sắp xếp các sạp, lô trong chợ chưa hợp lý. Hoạt động tại các chợ chủ yếu phục vụ cho dân cư địa phương, bán kính phục vụ nhỏ.

- Hiện nay, trên toàn huyện có 07 Chợ bán kiên cố gồm: Chợ thị trấn Đắk Mâm, Nâm N'Đir, Nam Đà, Nâm Nung, Đắk Drô, Đắk Sôr và Quảng Phú; 01 chợ tạm (Chợ Đức Xuyên) với tổng số hộ kinh doanh 504 hộ, trong đó kinh doanh cố định 452 hộ; thu hút khoảng hơn 500 lao động thường xuyên và gần 100 lao động không thường xuyên.

- Có 03 tổ chức tín dụng Ngân hàng (Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) huy động tiền gửi đạt 350 tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt 625 tỷ đồng, cho vay phát triển sản xuất chiếm 98,6% (phát triển nông nghiệp, nông thôn trên 80%) dư nợ tín dụng, nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh, một số người dân vẫn còn vay với lãi suất cao bên ngoài các tổ chức tín dụng, khuyến khích các tổ chức tín dụng xây dựng các gói hỗ trợ pháp lý vay vốn đầu tư sản xuất trung và dài hạn.

- Ngành du lịch chưa phát triển mạnh so với tiềm năng. Bình quân hàng năm thu hút khoảng 110.000 lượt khách/năm đến địa phương.

- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách trên địa bàn huyện đã đáp ứng phần lớn yêu cầu của nhân dân. Huyện đã xây dựng hoàn chỉnh bến xe huyện loại 4 (S=7.020 m^2) tại Trung tâm thị trấn Đắk Mâm (Đô thị loại V).

Với cơ cấu kinh tế hiện nay, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại phát triển bền vững sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, cần vốn đầu tư lớn với sự nỗ lực của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh đến các thành phần kinh tế và mọi người.

d) Thu nhập bình quân theo đầu người

Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2017 - 2019 nhìn chung khá, năm 2019 đạt 43 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt mức khá, tuy

nhiên thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn vẫn ở mức thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn thu nhập của người dân phụ thuộc nhiều vào ngành nông nghiệp, trong khi đó sản lượng và giá cả các loại nông sản trong những năm vừa qua luôn biến động do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và giá nông sản quốc tế xuống thấp.

đ) Thu chi ngân sách

- Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 đạt 117,23 tỷ đồng, tăng 23% so với dự toán được giao.

Trong đó: Thu nội địa đạt 116,85 tỷ đồng, tăng 23% dự toán, chủ yếu là thu tiền bán đấu giá đất năm 2018 chuyển sang. Các khoản thu huy động, đóng góp đạt 382 triệu đồng (đầu năm không giao dự toán).

- Tổng chi ngân sách địa phương đạt 472,71 tỷ đồng, tăng 13% so với dự toán của huyện đề ra và tăng 13% dự toán tỉnh giao, tăng 13% so với số thực hiện năm 2018.

7. Văn hóa - xã hội

a) Cơ sở giáo dục - đào tạo

Toàn huyện có 48 đơn vị trường học. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi đạt 100%. Đã có thêm 07 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện lên 19 trường (17 trường mức độ 3, 02 trường mức độ 2) tăng 13 trường so với năm 2010, đạt tỷ lệ 39,58% tổng số trường trên địa bàn huyện. Tổng diện tích đất cơ sở giáo dục năm 2019 toàn huyện có 61,08 ha, đạt mức 36,65 m^2/học sinh.

b) Y tế

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể lực cho nhân dân ngày càng tiến bộ, chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến y tế được nâng lên, mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường đảm bảo năng lực hoạt động. Cơ sở vật chất trang thiết bị khám, chữa bệnh cho nhân dân từ trung tâm y tế huyện đến các xã, thị trấn được nâng cấp. Các chính sách cho người nghèo, trẻ em, người đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm; các chương trình y tế quốc gia và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được triển khai thực hiện cơ bản đạt mục tiêu đề ra. Công nhận thêm 01 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 3 xã, chiếm 27,27%/tổng số trạm y tế toàn huyện; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ 83,3%. Đến nay 11/12 xã, thị trấn của huyện có trạm y tế. Tổng diện tích đất cơ sở y tế năm 2019 là 8,66 ha.

c) Văn hoá

Huyện đã có trung tâm văn hóa tại thị trấn Đắk Mâm, đối với cấp xã đã có 4/12 xã, thị trấn có đất xây dựng cơ sở văn hóa, tỷ lệ thôn, bon có nhà sinh hoạt cộng đồng 91%. Trong tương lai, để đáp ứng vai trò quan trọng trong việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn huyện thì việc đầu tư

hơn nữa vào các chương trình hoạt động cũng như cơ sở vật chất cho ngành văn hóa là một yêu cầu bức thiết. Diện tích đất cơ sở văn hoá năm 2019 là 2,69 ha.

d) Thể dục - thể thao

Các hoạt động thể thao phong trào ngày càng phát triển, cơ sở vật chất tập luyện được tăng cường đầu tư, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 20% tổng dân số. Hàng năm, huyện đã tổ chức nhiều giải thể thao phong trào nhằm thu hút toàn thể cán bộ, nhân dân tham gia, đặc biệt là các giải thể thao truyền thống của đồng bào dân tộc ít người.

Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng thể thao còn thiếu nhiều so với nhu cầu, hệ thống sân bãi luyện tập của huyện chưa được đầu tư, các công trình thể thao chỉ mới dừng lại ở mức độ cơ bản (sân bãi), chưa được đầu tư theo đúng tiêu chuẩn ngành, điều này ảnh hưởng nhiều đến phong trào cũng như thành tích thể thao chung của tỉnh. Diện tích đất cơ sở thể dục thể thao là 12,40 ha.

8. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Mạng lưới giao thông đường bộ thời gian qua được quan tâm đầu tư, cải tạo nâng cấp, nhờ đó chất lượng phục vụ của các công trình giao thông đã được nâng lên. Hiện nay đã có 11/12 xã có đường nhựa đến trung tâm xã, tổng chiều dài các tuyến giao thông trên địa bàn huyện là 918,16 km đường bộ, trong đó có 442,54 km đã được nhựa hóa; Diện tích đất giao thông hiện trạng trên địa bàn là 686,47 ha, (diện tích theo lộ giới được công bố để quản lý 1069,68 ha); hiện trạng một số tuyến đường chính như sau:

- Quốc lộ 28: Đoạn đi qua huyện có chiều dài 57,8 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi có nền rộng 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m. Mặt đường được trải nhựa và bê tông hóa đạt 100%, lộ giới trong đoạn qua đô thị 30m, ngoài đô thị 45m, hiện nay một số đoạn đã xuống cấp như đoạn qua xã Đức Xuyên, Đắk Drô, Đắk Nang, Quảng Phú.

- Tỉnh lộ 3: Bắt đầu từ thị trấn Đắk Mâm đi huyện Đắk Mil và nối với quốc lộ 14. Đoạn qua huyện có chiều dài 21,8 km, đã được đầu tư nhựa hóa. Đoạn trong đô thị lộ giới 30m, ngoài đô thị lộ giới 32m.

- Trên địa bàn huyện có 11 tuyến huyện lộ với tổng chiều dài 95,6 km, nối liền trung tâm huyện lỵ với các xã, đã được đầu tư nâng cấp 62,28 km đường nhựa, đường bê tông, còn lại đường cấp phối và đường đất. Đường chủ yếu đạt tiêu chuẩn cấp V-VI miền núi với nền rộng trung bình 6,5-10 m, mặt đường rộng 3,5 m, lộ giới 30,5m.

- Hệ thống đường xã 129,3 km, trong đó có 80,6 km đường nhựa, đường bê tông. Hiện trạng nhiều đoạn bị xâm chiếm, lòng đường hẹp, chất lượng đường thấp, lưu thông xe cơ giới gặp nhiều khó khăn.

- Đường nội thị: Có 45,26 km đường nội thị, trong đó: có 14,26 km đã được nhựa hóa, (được xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Mâm).

b) Cấp điện

Đến nay, 100% các xã, thị trấn trong huyện sử dụng điện lưới quốc gia nhưng vẫn còn một số hộ nằm rải rác ở vùng sâu, xa vẫn chưa có lưới điện quốc gia. Đa phần điện dùng cho sinh hoạt, điện dùng cho sản xuất còn hạn chế.

Hệ thống điện trên địa bàn được lấy từ trạm điện E110 KV ở huyện Cư Jút, đi qua trạm trung gian 35 KV tại xã Nam Đà. Hiện nay trên địa bàn huyện có 203 trạm phụ tải dung lượng 25,39KVA, 02TBA trung gian F10, F12 dung lượng 18.200KVA; tổng chiều dài đường dây trung áp là 220 km; đường dây hạ thế 247 km. Hiện nay số hộ dân sử dụng điện đạt 98% các hộ trên địa bàn. Ngoài ra, thuỷ điện Buôn Tua Srah đã hoạt động, góp phần cung cấp đáng kể vào nguồn năng lượng trong khu vực.

c) Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình

Mạng lưới bưu chính viễn thông của huyện được phát triển rộng khắp với 01 bưu cục cấp 2 - 3; 06 điểm bưu điện văn hoá xã, 100% xã, thị trấn có điểm phát hành báo chí.

Hoạt động của đài truyền thanh, truyền hình có nhiều tiến bộ, nội dung tuyên truyền đảm bảo đúng định hướng của Đảng; đảm bảo phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện, đáp ứng nhu cầu nghe nhìn của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Hiện nay 100% xã, thị trấn có trạm truyền thanh; 100% hộ dân có phương tiện nghe nhìn; sóng truyền thanh - truyền hình phủ đến 100% khu vực dân cư trên địa bàn.

d) Công trình thương mại

Diện tích chợ trên địa bàn là 5,30 ha, bao gồm chợ trung tâm huyện diện tích 1,91 ha và chợ trung tâm các xã Nam Đà, Nâm N'đir. Hệ thống chợ trên địa bàn phát triển chậm, mang tính tự phát và không theo quy hoạch. Một số xã người dân tập trung trao đổi buôn bán dọc hai bên đường tỉnh lộ, huyện lộ gây mất an toàn giao thông.

9. An ninh, quốc phòng

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm tra địa bàn, khu vực đóng quân thường xuyên; theo dõi, nắm chắc tình hình địa bàn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng xử lý các tình huống. Năm 2019, huyện đã tổ chức khám tuyển nghĩa vụ quân sự cấp huyện, kết quả trúng tuyển 218/531 thanh niên; tổ chức huấn luyện 3 khối tự vệ với quân số 40/41 đồng chí. Tổ chức tập huấn diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2019 cho thị trấn Đắk Mâm, xã Nâm N'đir và xã Quảng Phú đạt kết quả khá. Tổ chức kiểm tra bắn đạn thật cho lực lượng dân quân tự vệ năm 2019 với quân số 223 đồng chí tham gia, đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và vũ khí, trang bị. Bồi dưỡng chuyên sâu chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự theo Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ cho 11 chỉ huy trưởng các xã, thị trấn.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được kiểm soát ổn định, chưa phát hiện các nghi vấn liên quan đến an ninh quốc gia. Tình hình liên quan đến an ninh nông thôn, tôn giáo được theo dõi, giám sát chặt chẽ đảm bảo theo quy định của Pháp luật; các đoàn nước ngoài đến thăm, làm việc tại huyện và công tác từ thiện được giám sát diễn ra đảm bảo theo quy định. Năm 2019, đã tổ chức tuần tra, kiểm soát giao thông, lập biên bản 1.685 trường hợp, xử lý vi phạm hành chính đối với 1.588 trường hợp với tổng số tiền phạt 529.425.000 đồng.

II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN ĐẮK MÂM

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Thị trấn Đắk Mâm được thành lập theo Nghị định số 61/1999/NĐ-CP ngày 27/7/1999 của Chính phủ.

Thị trấn Đắk Mâm là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế của huyện Krông Nô; nằm ở vị trí thuận lợi cho giao lưu trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thị trấn Đắk Mâm có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Đông giáp xã Đắk Drô và xã Nam Đà

- Tây giáp xã Tân Thành

- Nam giáp xã Đắk Drô

- Bắc giáp xã Nam Xuân và xã Nam Đà

2. Diện tích tự nhiên, dân số

Thị trấn Đắk Mâm có diện tích tự nhiên 2.541,04 ha; dân số với gồm 2.083 hộ và 8.158 nhân khẩu

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, thị trấn Đắk Mâm có tổng diện tích đất tự nhiên là 2.541,04 ha. Trong đó:

a) Đất nông nghiệp là 2.273,80 ha.

- Đất sản xuất nông nghiệp là 2.233,22 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm là 168,21 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 2.065,01 ha.

- Đất lâm nghiệp là 6,21 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 34,37 ha.

b) Đất phi nông nghiệp là 255,92 ha.

- Đất ở là 55,41 ha.

- Đất chuyên dùng là 104,92 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 4,17 ha.

+ Đất quốc phòng là 3,01 ha.

+ Đất an ninh là 2,01 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 16,94 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 0,97 ha.

+ Đất có mục đích công cộng là 77,82 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 6,96 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 88,64 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 11,31 ha.

4. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Dân số của thị trấn Đắk Mâm

Quy mô dân số có 8.220 người, trong đó chủ yếu là dân số thường trú có 8.158 người, dân số tạm trú có 62 người, mật độ dân số là 323 người/km^2.

Tốc độ tăng dân số 0,89% trong đó tăng tự nhiên là 0,80%; tăng cơ học là 0,09%.

b) Tổng số lao động trong độ tuổi là 4.516 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.015 người.

- Lao động phi nông nghiệp là 3.501 người.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 77,52%.

c) Thị trấn Đắk Mâm có 11 thôn, bon, tổ dân phố, gồm: Tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, thôn Đắk Hà, Đắk Hưng, Đắk Tân, Đắk Vượng, Bon Dru, Bon Yok Linh, Bon Bróih.

5. Tình hình phát triển kinh tế

Trong những năm qua, thị trấn Đắk Mâm là đơn vị hành chính luôn đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện Krông Nô. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước. Thị trấn đã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, nghị quyết của tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đạt kết quả tốt. Năm 2019, tình hình kinh tế của xã tiếp tục tăng trưởng ổn định, các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ tăng khá so với cùng kỳ; sản xuất nông nghiệp ổn định, năng suất vườn cây tăng cao; thu, chi ngân sách bảo đảm theo dự toán.

a) Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn thị trấn năm 2019 đạt 1.552 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 685,2 tỷ đồng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt 509,6 tỷ đồng; nông, lâm nghiệp đạt 357,2 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2017 - 2019 đạt 8,8%/năm; trong đó, năm 2019 tăng 10,7% so với năm 2018.

b) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm 44,15%; thương mại - dịch vụ chiếm 32,8%; nông - lâm nghiệp chiếm 23,05% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

c) Thu chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đều tăng cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian qua, là một trong những địa phương có số thu ngân sách đạt mức cao của huyện. Tổng thu ngân sách năm 2019 đạt 42,39 tỷ đồng.

- Chi ngân sách đã đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh quốc phòng. Tổng chi ngân sách trên địa bàn năm 2019 là 11,46 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 9,91 tỷ đồng.

d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 57,32 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo toàn thị trấn là 3,29%.

đ) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Sản xuất nông, lâm nghiệp: giá trị sản xuất trên 1 ha diện tích canh tác đạt 93,2 triệu đồng/ha/năm. Tổng diện tích gieo trồng đạt 2.483 ha, sản lượng đạt 1.989 tấn; chăn nuôi gia súc phát triển, tổng đàn hiện có 5.100 con, gia cầm có 42.000 con.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định, hiện trên địa bàn thị trấn có 33 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 38 doanh nghiệp, 5 hợp tác xã đang hoạt động hiệu quả, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của thị trấn. Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 509,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, trình độ, năng lực sản xuất còn hạn chế, các ngành nghề truyền thống chưa được khôi phục.

- Sản xuất thương mại, dịch vụ có bước phát triển, đa dạng hóa về loại hình và sản phẩm, cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, tiêu thụ hàng hóa, nông sản thuận lợi. Hiện nay, thị trấn có 372 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ. Giá trị sản xuất năm 2019 đạt 685,2 tỷ đồng; các loại hình lưu trú, nhà nghỉ, ăn uống, vui chơi giải trí phát triển mạnh.

6. Phát triển văn hóa - xã hội

a) Về giáo dục

Công tác giáo dục của xã luôn được quan tâm đầu tư đúng mức, hệ thống trường, lớp được đầu tư xây dựng khang trang, xanh, sạch, đẹp. Thị trấn đã thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, huy động học sinh trong độ tuổi ở các bậc học đạt chỉ tiêu, hàng năm tỷ lệ học sinh của xã tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%.

b) Về y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, các chương trình y tế quốc gia, các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh tại cộng đồng luôn được chính quyền xã quan tâm thực hiện tốt. Hàng năm, các chương trình mục tiêu y tế quốc

gia đều thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu giao. Thị trấn có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, địa bàn xã còn có trung tâm y tế, các phòng khám đa khoa và quầy thuốc tư nhân.

c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Thị trấn có nhà văn hóa ở tất cả các ấp phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân và các phong trào văn hóa, văn nghệ của nhân dân trên địa bàn; các câu lạc bộ thường xuyên hoạt động thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị đã được sự hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao ý thức của người dân trong việc xây dựng và giữ gìn đường phố khang trang, sạch đẹp, không vứt rác bừa bãi, tạo môi trường sống trong lành.

d) Chính sách xã hội, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm

Thực hiện chủ trương chung, trong những năm qua chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt. Đến nay, hầu hết các hộ gia đình nghèo đều được vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất. Trong năm 2019, đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động có việc làm ổn định với mức thu nhập từ trung bình đến khá.

7. Phát triển hạ tầng

a) Giao thông đường bộ:

Địa bàn thị trấn hiện có tổng số trên 60 km đường giao thông, mặt đường Bê tông nhựa, chất lượng tốt, thuận tiện cho giao thông vận tải.

Đường vành đai thị trấn có chiều dài 16 km, mặt đường trải nhựa rộng 6 m, chất lượng tốt, thuận tiện cho giao thông vận tải.

b) Thoát nước

Hệ thống cống thoát nước chủ yếu tập trung dọc các tuyến đường, trục phố chính ở trung tâm thị trấn. Ngoài ra, là hệ thống mương hở, rãnh xây đặt bên lề đường. Nước mưa chảy trên bề mặt địa hình đến rãnh đất ven đường, các khe tụ, hợp thuỷ rồi chảy ra các suối. Công tác thoát nước mặt hoàn toàn hoạt động theo nguyên tắc tự chảy dựa vào địa hình tự nhiên.

c) Cấp điện

Nguồn điện từ hệ thống điện lưới quốc gia thông qua đường dây 110kV từ nhà máy thuỷ điện Thác Mơ đến trạm 110/22kV Đắk Nông (E54) công suất (16+25)MVA.

Lưới điện có đường dây trung thế dài trên 12 km, đường dây hạ thế dài trên 17 km. Hàng năm bình quân sử dụng điện khoảng trên 9 triệu KWh điện. Năm 2019, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 99,5% tổng số hộ.

d) Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt

Nhân dân trên địa bàn thị trấn hiện nay có 95% số hộ dùng nước sinh hoạt từ trạm cấp nước tập trung và các nguồn nước sạch.

đ) Thoát nước, quản lý chất thải rắn

Việc xả, thải trực tiếp ra môi trường chưa gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường do mật độ phân bố dân cư thấp, lượng chất thải vẫn nằm trong khả năng tự làm sạch của môi trường.

Chất thải rắn trên địa bàn hiện được thu gom chung với dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn đạt yêu cầu. Tỷ lệ thu gom hiện đạt 85%.

e) Hạ tầng xã hội

Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố chiếm trên 75%; không còn nhà tạm, nhà dột nát. Dân cư tập trung dọc theo các tuyến quốc lộ 14, đường trục chính.

Thị trấn có 01 trạm y tế, có 05 giường bệnh, tổng số 08 cán bộ, diện tích 1.400m^2.

Thị trấn có các cấp học là mẫu giáo, tiểu học, THCS, Trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề của huyện.

Thương mại - dịch vụ: có chợ trung tâm thị trấn và hệ thống các cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại… đảm bảo phục vụ nhu cầu buôn bán, giao lưu thương mại của nhân dân trong khu vực.

8. An ninh - quốc phòng

a) Về quốc phòng

- Công tác quân sự, quốc phòng trong những năm qua được huyện quan tâm chỉ đạo, các lực lượng duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên phối hợp tuần tra, bảo an toàn cao điểm vào các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị trên địa bàn.

- Năm 2019, hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác của hệ thống chính trị.

b) Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tiếp tục được duy trì. Các lực lượng chức năng đã tổ chức thực hiện tốt công tác nắm tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp tấn công, trấn áp tội phạm và đảm bảo an ninh trật tự theo kế hoạch đề ra, không để xảy ra vụ việc phức tạp về an ninh trật tự.

Những năm qua thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên địa bàn được giữ vững và ổn định, kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động của các loại tội phạm; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai liên tục, mạnh mẽ.

9. Hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 25 đại biểu.

Trong đó, trình độ đại học 15 người, trung cấp 05 người.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 2 người, Trung cấp chính trị 11 người.

b) Ủy ban nhân dân thị trấn có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên.

c) Số lượng cán bộ, công chức xã có 23 người, bao gồm: Cán bộ có 11 người, công chức có 12 người.

III. HIỆN TRẠNG XÃ NAM XUÂN

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Nam Xuân nằm ở phía Tây Bắc của huyện Krông Nô cách trung tâm huyện khoảng 15 km, có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Nam Đà;

- Phía Tây giáp xã Long Sơn, huyện Đắk Mil;

- Phía Nam giáp thị trấn Đắk Mâm, xã Tân Thành;

- Phía Bắc giáp xã Đắk R'La và xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil;

2. Diện tích tự nhiên, dân số

Xã Nam Xuân có diện tích tự nhiên là 3.054,27 ha; tổng số dân số trên địa bàn là 1.688 hộ với 7.438 nhân khẩu gồm 12 dân tộc anh em cùng chung sống ở 08 thôn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, xã Nam Xuân có tổng diện tích tự nhiên là 3.054,27 ha. Cơ cấu sử dụng đất như sau:

a) Đất nông nghiệp là 2.845,90 ha.

- Đất sản xuất nông nghiệp là 2.795,13 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm là 596,08 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 2.199,05 ha.

- Đất lâm nghiệp là 4,32 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 46,45 ha.

b) Đất phi nông nghiệp là 207,63 ha.

- Đất ở là 58,39 ha.

- Đất chuyên dùng là 46,05 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,53 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 4,89 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 0,02 ha.

+ Đất có mục đích công cộng là 40,61 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo là 0,5 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 9,06 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 93,63 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 0,73 ha.

4. Phát triển kinh tế

a) Phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất năm 2019 đạt 330 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 240 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2018; công nghiệp, xây dựng đạt 50 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2018; dịch vụ đạt 35 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2018.

Cơ cấu kinh tế năm 2019 của xã: Nông nghiệp chiếm 72,72%; Công nghiệp, xây dựng chiếm 15,15%; dịch vụ chiếm 10,60%.

b) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2019 đạt 2,09 tỷ đồng, tăng 19% so với kế hoạch. Trong đó, thu thuế giá trị gia tăng đạt 732,2 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 5,2 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân đạt 350 triệu đồng, các loại phí, lệ phí đạt 58 triệu đồng… Tổng chi ngân sách là 6,78 tỷ đồng, tăng 18% so với kế hoạch đề ra, trong đó chi thường xuyên 5,27 tỷ đồng.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Phát triển nông, lâm nghiệp.

Năm 2019, tình hình sản xuất trên địa bàn xã chịu sự tác động của nắng nóng, hạn hán kéo dài trong mùa khô, phần lớn diện tích cây trồng bị thiếu nước. Tổng diện tích canh tác năm 2019 đạt 3.241 ha, trong đó cây lương thực là 725 ha, cây thực phẩm là 80 ha, cây công nghiệp ngắn ngày là 210 ha, cây công nghiệp dài ngày là 2.226 ha. Tổng đàn gia súc hiện có 11.548 con, trong đó trâu có 23 con, bò có 550 con, dê có 1.975 con, heo 9.000 con; tổng đàn gia cầm có 30.000 con.

- Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản

Tiểu thủ công nghiệp chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng, thu mua, sơ chế nông sản mang tính nhỏ lẻ.

Trong năm 2019, xã Nam Xuân tiếp tục triển khai xây dựng các công trình xây dựng nông thôn mới và chương trình 135. Đến nay, xã đã hoàn thành 11/19 tiêu chí nông thôn mới, đang tiếp tục triển khai hoàn thành các tiêu chí còn lại.

- Thương mại, dịch vụ

Hiện tại, trên địa bàn xã có 9 doanh nghiệp, 125 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ trong đó có 3 cây xăng, 1 điểm bán gas, 4 cơ sở cung ứng vật liệu

xây dựng, 2 điểm kinh doanh karaoke, 4 điểm kinh doanh internet, còn lại là kinh doanh tạp hóa, dịch vụ ăn uống.

5. Văn hóa - xã hội

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn được triển khai sâu rộng và đạt chất lượng cao. Xã thường xuyên duy trì tốt các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên trong nhân dân.

b) Về giáo dục - đào tạo

Năm học 2018 - 2019, các trường tiếp tục triển khai kế hoạch dạy tốt, học tốt, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy - học và điều chỉnh dạy học đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạt hiệu quả. Kết quả năm học 2018 - 2019 ở cấp Tiểu học tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học đạt 98,98%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 90%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 88%.

c) Về lĩnh vực y tế

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có chuyển biến tích cực. Năm 2019, xã đã tổ chức khám, chữa bệnh cho 123 lượt người; 100% (260/260 trẻ) trẻ dưới 06 tuổi được tiêm chủng đầy đủ.

6. Tình hình quốc phòng - an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục giữ vững, ổn định, hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự được nâng cao, công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm được tăng cường, tai nạn giao thông giảm, số vụ việc có liên quan đến an ninh trật tự trên địa bàn giảm, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển cả bề rộng và chiều sâu đã mang lại hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn xây dựng thế trận an ninh nhân dân trong toàn khu vực, đảm bảo hậu cần tại chỗ, bảo đảm ngân sách cho nhiệm vụ quốc phòng và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Thường xuyên duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo quân số, vũ khí trang bị, phối hợp với lực lượng công an tuần tra canh gác, xử lý kịp thời khi có tình huống xấu có thể xảy ra, nhất là các vào các ngày lễ, tết và dịp diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước.

Trong năm 2019, địa bàn xã xảy ra 12 vụ liên quan đến trật tự an toàn xã hội, trong đó gây rối có 1 vụ, cố ý gây thương tích 4 vụ, trộm cắp tài sản 6 vụ,

hủy hoại tài sản 1 vụ. Tai nạn giao thông xảy ra 04 vụ; đánh bạc 3 vụ, đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 13,4 triệu đồng.

7. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân là 24 người. Trình độ đào tạo đại học 12 người, cao đẳng 01 người, trung cấp là 01 người (không có chuyên môn, nghiệp vụ 10 người).

b) Cơ cấu tổ chức của Uỷ ban nhân dân thị trấn gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 01 Ủy viên phụ trách quân sự, 01 Ủy viên phụ trách công an.

c) Tổng số cán bộ, công chức là 21 người, gồm cán bộ chuyên trách là 10 người; công chức là 11 người.

- Về chuyên môn: Đại học 7 người; cao đẳng 11 người; trung cấp 3 người.

- Về lý luận chính trị: Cao cấp 1 người; trung cấp 18 người.

IV. HIỆN TRẠNG XÃ TÂN THÀNH

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Tân Thành nằm ở phía Tây của huyện Krông Nô cách trung tâm huyện khoảng 10 km, có vị trí địa lý cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Đắk Drô, thị trấn Đắk Mâm;

- Phía Tây giáp xã Long Sơn, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil; xã Đắk Mol, huyện Đắk Song;

- Phía Nam giáp xã Nâm Nung;

- Phía Bắc giáp xã Nam Xuân;

2. Diện tích tự nhiên, dân số

Xã Tân Thành có diện tích tự nhiên là 8.806,56 ha; tổng số dân số trên địa bàn là 3.976 nhân khẩu chung sống ở 05 thôn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, xã Tân Thành có tổng diện tích tự nhiên là 8.806,56 ha. Cơ cấu sử dụng đất như sau:

a) Diện tích đất nông nghiệp là 8.128,59 ha. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 8.017,88 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm là 2.082,87 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm là 5.935,01 ha.

- Đất lâm nghiệp là 46,99 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 63,72 ha.

b) Diện tích đất phi nông nghiệp là 565,12 ha. Trong đó:

- Đất ở là 32,36 ha.

- Đất chuyên dùng là 168,07 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,73 ha.

+ Đất công trình sự nghiệp là 8,96 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 5,14 ha.

+ Đất mục đích công cộng là 153,23 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo là 0,5 ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ 5,41 ha.

- Đất mặt nước, sông suối là 358,79 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 112,84 ha.

4. Phát triển kinh tế

a) Phát triển kinh tế

Tổng diện tích gieo trồng năm 2019 đạt 7.440 ha ; trong đó diện tích cà phê là 4.673 ha, cao su là 1.248 ha, tiêu là 140 ha. Sản lượng lương thực đạt 5.244 tấn ; bình quân lương thực đầu người đạt 1,5 tấn/người/năm ; giá trị canh tác trên 1 ha diện tích đạt 45 triệu đồng. Về lâm nghiệp, trong năm 2019 đã trồng được 23 ha rừng. Về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được quan tâm phát triển, tổng đàn gia súc là 3.125 con, trong đó bò lai là 250 con ; đàn gia cầm có 22.2000 con. Xã đã chủ động trong việc phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm nên không có dịch bệnh lớn xảy ra, việc phát triển chăn nuôi khá thuận lợi. Diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có khoảng 40 ha, sản lượng khoảng 90 tấn, chủ yếu là cá nước ngọt.

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là sơ chế nông sản như sấy bắp, cà phê, xay sát, chế biến thô.

Trong thời gian qua, xã đã mạnh dạn đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nên sản lượng, năng suất cây trồng tăng cao.

b) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách trên địa bàn năm 2019 đạt 4,5 tỷ đồng. Chi ngân sách 5,58 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là … tỷ đồng.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 41 triệu đồng/ người/năm.

5. Văn hóa - xã hội

a) Giáo dục

Trên địa bàn xã hiện có 5 trường, gồm 1 trường THCS, 2 trường tiểu học và 2 trường mầm non. Cơ sở vật chất trường học được đầu tư xây dựng kiên cố, gồm 61 phòng học, bố trí 51 lớp. Tổng số học sinh hiện có 1.219 em, đội ngũ giáo viên có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 90%, công tác phổ cập mầm non 5 tuổi đạt 100% ; tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Địa bàn

xã hiện có 2 trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ học sinh THCS tốt nghiệp đạt 98%.

b) Y tế

Năm 2018, trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế, biên chế của trạm hiện có 8 y bác sỹ, y sỹ đa khoa, điều dưỡng, nữ hộ sinh. Đội ngũ cán bộ y tế nhiệt tình trong công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng là 17,8%, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch sinh hoạt hợp vệ sinh là 97%. Tỷ lệ tăng dân số là 1,1% ; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2019 là 4,24%.

c) Văn hóa, dân số, gia đình

Xã Tân Thành đã số là người dân tộc thiểu số từ phía Bắc di cư vào làm ăn, sinh sống, phong tục, tập quán còn lạc hậu, mặt bằng dân trí còn thấp, việc sinh đẻ tự do trở thành thói quen.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi, giện có 90% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 5/5 thôn văn hóa.

6. An ninh, quốc phòng

a) Về quốc phòng được Đảng bộ, chính quyền các cấp đầu tư, xây dựng thành trung tâm phòng thủ; hàng năm hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân được giao.

b) Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững và ổn định. Các nhiệm vụ quốc phòng an ninh được tổ chức thực hiện có hiệu quả, không để xảy ra những tình huống bất ngờ.

7. Tổ chức bộ máy

a) Hội đồng nhân dân xã Tân Thành nhiệm kỳ 2016-2021 có 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ đào tạo như sau: Đại học 11 người (chiếm 52,3%); trung cấp 01 người (chiếm 4,70%).

- Lý luận chính trị: Cao cấp 1 người, chiếm 0,5%, Trung cấp chính trị 8 người, chiếm 38%.

b) Ủy ban nhân dân xã có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên.

c) Số cán bộ, công chức xã

- Số lượng cán bộ, công chức xã có 22 người, bao gồm: Cán bộ có 10 người, công chức có 12 người.

- Trình độ đào tạo chuyên môn: Đại học có 19 người (chiếm 86%); trung cấp có 03 người (chiếm 14%).

- Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị có 01 người (chiếm 4,55%), trung cấp chính trị có 19 người (chiếm 86,36%), sơ cấp chính trị có 02 người (chiếm 9,09%).

d) Tổng số những người hoạt động không chuyên trách ở xã là 7 người và công an viên là 2 người.

đ) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở ấp là 26 người.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

I. HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH, DÂN SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG, HUYỆN CƯ JÚT, HUYỆN KRÔNG NÔ VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

1. Tỉnh Đắk Nông có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Gia Nghĩa và 07 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Đắk GLong, Tuy Đức; 71 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 60 xã, 06 phường và 05 thị trấn.

2. Huyện Cư Jút có 720,69 km^2 (bằng 72.069,88 ha) diện tích tự nhiên, dân số 91.621 người; có 08 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 7 xã; 124 thôn, tổ dân phố. Trong đó:

Xã Cư Knia có 29,60 km^2 (bằng 2.960,28 ha) diện tích tự nhiên, dân số 8.805 người; có 12 thôn.

3. Huyện Đắk Mil có 681,58 km^2 (bằng 68.157,68 ha) diện tích tự nhiên, dân số 99.892 người; có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 9 xã; 125 thôn, tổ dân phố. Trong đó:

Xã Đắk Rla có 93,38 km^2 (bằng 9.338,25 ha) diện tích tự nhiên, dân số 12.564 người; có 12 thôn.

4. Huyện Krông Nô có tổng diện tích đất tự nhiên là 813,74 km^2 (bằng 81.374,20 ha) diện tích tự nhiên, dân số 81.966 người; có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 11 xã; 94 thôn, tổ dân phố. Trong đó:

a) Thị trấn Đắk Mâm có 25,41 km^2 (bằng 2.541,04 ha) diện tích tự nhiên, dân số 8.158 người; có 11 thôn, bon, tổ dân phố.

b) Xã Nam Xuân có 30,54 km^2 (bằng 3.054,27 ha) diện tích tự nhiên, dân số 7.438 người; có 8 thôn.

c) Xã Tân Thành có 88,07 km^2 (bằng 8.806,56 ha) diện tích tự nhiên, dân số 3.976 người; có 5 thôn.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ

1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút

Điều chỉnh 2,56 km^2 (bằng 255,79 ha) diện tích tự nhiên của thôn Năm Tầng, huyện Đắk Mil về xã Cư Knia, huyện Cư Jut quản lý.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Krông Nô

a) Điều chỉnh địa giới hành chính giữa thị trấn Đắk Mâm và xã Nam Xuân:

Điều chỉnh 4,64 km^2 (bằng 464,29 ha) diện tích tự nhiên và 425 người của thị trấn Đắk Mâm (bao gồm phần lớn diện tích, dân số của thôn Đắk Hưng) về xã Nam Xuân quản lý.

b) Điều chỉnh địa giới hành chính giữa thị trấn Đắk Mâm và xã Tân Thành:

Điều chỉnh 2,60 km^2 (bằng 260,38 ha) diện tích tự nhiên và 270 người của thị trấn Đắk Mâm (bao gồm phần lớn diện tích, dân số của thôn Đắk Tân) về xã Tân Thành quản lý.

c) Điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Nam Xuân và xã Tân Thành:

Điều chỉnh 2,58 km^2 (bằng 257,71 ha) diện tích tự nhiên của thôn Đắk Ri về xã Nam Xuân quản lý.

III. KẾT QUẢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẮK MIL VÀ HUYỆN CƯ JÚT, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN KRÔNG NÔ

1. Huyện Cư Jút có 723,26 km^2 (bằng 72.325,67 ha) diện tích tự nhiên, dân số 91.621 người; có 08 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 7 xã; 124 thôn, tổ dân phố. Trong đó:

Xã Cư Knia có 32,16 km^2 (bằng 3.216,07 ha) diện tích tự nhiên, dân số 8.805 người; có 12 thôn.

3. Huyện Đắk Mil có 679,02 km^2 (bằng 67.901,89 ha) diện tích tự nhiên, dân số 99.892 người; có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 9 xã; 125 thôn, tổ dân phố. Trong đó:

Xã Đắk R'la có 90,82 km^2 (bằng 9.082,46 ha) diện tích tự nhiên, dân số 12.564 người; có 12 thôn.

4. Huyện Krông Nô có tổng diện tích đất tự nhiên là 813,74 km^2 (bằng 81.374,20 ha) diện tích tự nhiên, dân số 81.966 người; có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn và 11 xã; 92 thôn, bon, tổ dân phố. Trong đó:

a) Thị trấn Đắk Mâm có 18,16 km^2 (bằng 1.816,37 ha) diện tích tự nhiên, dân số 7.463 người; có 09 thôn, tổ dân phố.

Địa giới hành chính thị trấn Đắk Mâm: Đông giáp xã Đắk Drô; Tây giáp xã Nam Xuân; Nam giáp xã Tân Thành và xã Đắk Drô; Bắc giáp xã Nam Xuân và xã Nam Đà.

b) Xã Nam Xuân có 37,76 km^2 (bằng 3.776,27 ha) diện tích tự nhiên, dân số 7.863 người; có 8 thôn.

Địa giới hành chính xã Nam Xuân: Đông giáp xã Đắk Sôr và xã Nam Đà; Tây giáp xã Long Sơn, Huyện Đắk Mil; Nam giáp xã Tân Thành và thị trấn Đắk Mâm; Bắc giáp xã Đắk R'la và xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil.

c) Xã Tân Thành có 88,09 km^2 (bằng 8.809,23 ha) diện tích tự nhiên, dân số 4.246 người; có 5 thôn.

Địa giới hành chính xã Tân Thành: Đông giáp xã Đắk Drô; Tây giáp xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil và xã Đắk Môl, huyện Đắk Song; Nam giáp xã Nâm Nung; Bắc giáp xã Nam Xuân và thị trấn Đắk Mâm.

Như vậy, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, thị trấn thuộc các huyện Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô. Tỉnh Đắk Nông không tăng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Huyện Đắk Mil

a) Tiêu chuẩn đơn vị hành chính huyện miền núi:

- Diện tích theo quy định là từ 850 km^2 trở lên. Huyện Đắk Mil có 679,02 km^2 (bằng 67.901,89 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 80.000 người trở lên. Huyện Đắk Mil có 99.892 người.

b) Tiêu chuẩn xã miền núi:

- Diện tích theo quy định là từ 50 km^2 trở lên. Xã Đắk Rla có 90,82 km^2 (bằng 9.082,46 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 5.000 người trở lên. Xã Đắk Rla có 12.564 người.

2. Huyện Cư Jút

a) Tiêu chuẩn đơn vị hành chính huyện miền núi:

- Diện tích theo quy định là từ 850 km^2 trở lên. Huyện Cư Jút có 723,26 km^2 (bằng 72.325,67 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 80.000 người trở lên. Huyện Cư Jút có 91.621 người.

b) Tiêu chuẩn xã miền núi:

- Diện tích theo quy định là từ 50 km^2 trở lên. Xã Cư Knia có 32,16 km^2 (bằng 3.216,07 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 5.000 người trở lên. Xã Cư Knia có 8.805 người.

3. Huyện Krông Nô

a) Thị trấn Đắk Mâm

- Diện tích theo quy định là từ 14 km^2 trở lên. Thị trấn Đắk Mâm có 18,16 km^2 (bằng 1.816,37 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 8.000 người trở lên. Thị trấn Đắk Mâm có 7.463 người.

b) Xã Nam Xuân

- Diện tích theo quy định là từ 50 km^2 trở lên. Xã Nam Xuân có 37,76 km^2 (bằng 3.776,27 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 5.000 người trở lên. Xã Nam Xuân có 7.863 người.

c) Xã Tân Thành

- Diện tích theo quy định là từ 50 km^2 trở lên. Xã Tân Thành có 88,09 km^2 (bằng 8.809,23 ha) diện tích tự nhiên.

- Dân số theo quy định là từ 5.000 người trở lên. Xã Tân Thành có 4.246 người.

IV. GIẢI PHÁP SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Phương án tổ chức lại các thôn, tổ dân phố sau khi điều chỉnh địa giới hành chính

a) Đối với thôn Năm Tầng thuộc xã Đắk Rla

Phương án chuyển 2,56 km^2 diện tích tự nhiên của thôn Năm Tầng, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil sáp nhập vào thôn 9, xã Cư Knia, huyện Cư Jút. Theo đó, phần diện tích tự nhiên, dân số còn lại thôn của Năm Tầng vẫn là 1 thôn thuộc xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil.

b) Đối với thôn Đắk Hưng thuộc thị trấn Đắk Mâm

Phương án chuyển 4,64 km^2 diện tích tự nhiên, dân số 425 người của thôn Đắk Hưng, thị trấn Đắk Mâm sáp nhập vào thôn Đắk Xuân, xã Nam Xuân. Theo đó, phần diện tích tự nhiên, dân số còn lại của thôn Đắk Hưng sáp nhập bon Bróih của thị trấn Đắk Mâm.

c) Đối với thôn Đắk Tân thuộc thị trấn Đắk Mâm

Phương án chuyển 2,60 km^2 diện tích tự nhiên, dân số 270 người của thôn Đắk Tân, thị trấn Đắk Mâm sáp nhập vào thôn Đắk Lưu, xã Tân Thành. Theo đó, phần diện tích tự nhiên, dân số còn lại của thôn Đắk Tân sáp nhập bon Bróih của thị trấn Đắk Mâm.

d) Đối với thôn Đắk Ri thuộc xã Tân Thành.

Phương án chuyển 2,58 km^2 diện tích tự nhiên của thôn Đắk Ri, xã Tân Thành sáp nhập vào thôn Lương Sơn, xã Nam Xuân. Theo đó, phần diện tích tự nhiên, dân số còn lại của thôn Đắk Ri vẫn là 1 thôn của xã Tân Thành.

2. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn

a) Trên cơ sở phương án tổ chức lại các thôn nêu trên, phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách được thực hiện như sau: Giữ nguyên trạng toàn bộ tổ chức, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố ở cấp huyện, ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố của các đơn vị hành chính liên quan đến việc điều chỉnh địa giới hành chính.

b) Đối với đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã sau khi điều chỉnh địa giới hành chính sẽ thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Phần thứ tư

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN SAU ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

A. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

I. TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các đơn vị hành chính được điều chỉnh địa giới sẽ giải quyết bất cập hiện nay, từ đó sẽ phát huy được tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Do có đất đai rộng, thổ những, khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và chăn nuôi; thích hợp với phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều, tiêu…; cùng với tiềm năng đất đai và lợi thế khác có điều kiện để mở rộng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, qua đó tiếp nhận vốn, công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động, cho phép mở rộng thêm quy mô sản xuất, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, tăng thêm xuất khẩu.

2. Là địa bàn gần các vùng nguyên liệu của tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk, rất thích hợp cho đầu tư phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển ngành công nghiệp; có tiềm năng phát triển ngành du lịch, có nhiều hồ thủy điện và cảnh quan đẹp, giao thông thuận tiện.

3. Dân số và nguồn nhân lực trẻ cần cù, năng động và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh. Đây là một nguồn lực tốt có thể đáp ứng cho nhu cầu phát triển các ngành đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ.

4. Các tác động từ bên ngoài như hội nhập kinh tế, chiến lược và các chính sách phát triển ưu tiên của Nhà nước đối với khu vực Tây Nguyên, chiến lược phát triển của tỉnh Đắk Nông cơ bản rất thuận lợi cho các đơn vị hành chính phát huy thế mạnh của mình và tranh thủ nhanh các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Bên cạnh những lợi thế về tiềm năng còn có những thách thức và bất cập trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đó là sức ép cạnh tranh về đầu ra

của các sản phẩm; khả năng gia tăng nhanh về dân số từ luồng dân di cư đến địa bàn kéo theo sự gia tăng áp lực giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

II. TÁC ĐỘNG AN NINH, QUỐC PHÒNG

Các đơn vị hành chính sau khi được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế sẽ kết hợp hài hòa giữa yêu cầu phát triển nhanh nền kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, vì đây là địa bàn chiến lược quan trọng của tỉnh Đắk Nông và khu vực Tây Nguyên. Sau khi thành lập và đi vào hoạt động sẽ thuận tiện cho việc quy hoạch, thu hút và bố trí dân cư trên địa bàn các xã dọc tuyến biên giới, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng, đảm bảo cho khu vực biên giới luôn luôn có dân và tăng cường lực lượng tại chỗ, giúp cho chính quyền và bộ đội biên phòng theo dõi, giám sát các hoạt động trong khu vực biên giới, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu của các thế lực thù địch, đảm bảo công tác an ninh biên giới luôn được giữ vững.

III. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Sau khi được điều chỉnh, các đơn vị hành chính mới sẽ triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất, xây dựng cở sở hạ tầng để phát triển kinh tế xã hội, kéo theo đó là sự gia tăng dân số tại khu vực, gia tăng chất thải, gây ra những tác động xấu đến môi trường tự nhiên. Vì vậy đặt ra yêu cầu vừa đảm bảo phát triển kinh tế xã hội và hạn chế thấp nhất tác động đến môi trường, tỉnh đã xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô đến năm 2030, trong đó đã tiến hành đánh giá, dự báo những tác động đến môi trường để có biện pháp khắc phục.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC HUYỆN ĐẮK MIL, CƯ JÚT, KRÔNG NÔ

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN ĐẮK MIL

1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng lợi thế, tập trung mọi nguồn lực đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thuỷ sản. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường; phát triển giáo dục, đào tạo, coi trọng phát triển nhân tố con người, giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, nhất là giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025:

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 57 triệu đồng/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt 50 tỷ đồng, trong đó: thu cân đối ngân sách đạt 35 tỷ đồng.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học ở 100% xã, thị trấn. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Trên 85% lượt hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 80% số thôn, làng đạt danh hiệu thôn, làng văn hoá.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15%; trên 90% xã, thị trấn đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 3 - 5%. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 13%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh 95%; tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 75%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản 36 - 37%; Công nghiệp, xây dựng 36 - 37% %; Thương mại - Dịch vụ 25 - 26%.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Phát triển kinh tế

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế phù hợp với vùng nguyên liệu và tài nguyên của địa phương như: công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông lâm thuỷ sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề truyền thống của địa phương.

Phát triển tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn; tăng cường hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động gắn với thực hiện chính sách trợ giúp, tư vấn và thông tin thị trường một cách đồng bộ. Coi trọng việc khai thác, sử dụng các nguyên liệu sẵn có của địa phương để phát triển tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng thu nhập cho người lao động.

- Thương mại - Dịch vụ

Phát triển đồng bộ hệ thống thương mại trong huyện. Quy hoạch phát triển trung tâm thương mại ở thị trấn và các cụm thương mại trung tâm các xã của huyện; khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ, hệ thống chợ, các điểm mua bán tại các vùng nông thôn theo quy hoạch.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn huyện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá và xây dựng thương hiệu cho các mặt hàng đặc sản ở địa phương. Quy hoạch chi tiết và thu hút đầu tư phát triển các điểm tham quan du lịch sinh thái kết hợp với tâm linh, du lịch lòng hồ thuỷ điện. Khôi phục, duy trì các lễ hội truyền thống, các nét văn hoá truyền thống của các dân tộc để thu hút khách du lịch.

Đẩy mạnh chất lượng hoạt động mạng lưới bưu chính viễn thông, nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ bưu chính, viễn thông tại các bưu cục, bưu điện văn hoá xã; phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học công nghệ, bảo hiểm…đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Tập trung trồng các giống cây có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện địa phương.

Chọn lọc, cải tạo, phát triển đàn trâu, đàn bò; tuyên truyền, vận động nhân dân trồng các loại cây thức ăn gia súc, khuyến khích chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại, gia trại.

Phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp, nâng cao thu nhập cho người trồng rừng. Làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng; đẩy mạnh giao đất, giao rừng; trồng rừng đi đôi với khai thác hợp lý diện tích rừng trồng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm sát, ngăn chặn phá rừng làm nương rẫy, khai thác, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng trái phép; quản lý tốt các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn.

Quy hoạch nuôi trồng, bảo tồn, phát triển và khai thác hợp lý các nguồn lợi thuỷ sản trên lòng hồ thuỷ điện; phát triển nuôi cá trên các diện tích ao, hồ; áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng với các loại sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

Đẩy mạnh xây dựng các xã, thôn làng đạt tiêu chí nông thôn mới. Chú trọng giải quyết có hiệu quả các vấn đề về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

b) Phát triển văn hoá - xã hội

- Y tế: Đến năm 2025 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 15%, phấn đấu 95% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, 100% trạm y tế xã, thị trấn và phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư kiên cố và có bác sỹ.

- Giáo dục: Đến năm 2025, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động ra lớp trên 100%, trong đó: Tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt từ 20% trở lên, tăng tỷ lệ trẻ ở các nhà trẻ ngoài công lập; tỷ lệ trẻ em 3 - 5 tuổi đạt từ 100% trở lên. 100% giáo viên các cấp (mầm non, tiểu học và trung học cơ sở) đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trong đó giáo viên mầm non trên chuẩn là 70%, giáo viên tiểu học đạt trên chuẩn từ 85 - 95% và giáo viên trung học cơ sở đạt trên chuẩn 95%.

- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin - thể thao trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ, đội văn nghệ; đẩy mạnh thực hiện và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Nâng cao chất lượng hoạt động của các nhà văn hóa; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; đầu tư xây dựng trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa xã, thôn, tổ dân phố đảm bảo hoạt động có hiệu quả; nâng cấp sân vận động, nâng cao chất lượng phong trào thể dục - thể thao. Tiếp tục đẩy mạnh việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Đến năm 2025, phấn đấu 100 % xã có nhà văn hoá hoặc nhà rông.

Tiếp tục mở rộng diện phủ sóng, nâng cao chất lượng tiếp sóng chương trình phát thanh, truyền hình Trung ương, chương trình phát thanh - truyền hình tỉnh, chương trình phát thanh địa phương. Nâng cao chất lượng các tin bài phản ánh công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được nghe đài phát thanh đạt 95%; tỷ lệ hộ được xem truyền hình đạt trên 100%.

c) Xây dựng cơ sở hạ tầng

Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng thị trấn và trung tâm các xã, cụm xã. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. Tập trung đầu tư các công trình giao thông, tập trung củng cố, khôi phục, nâng cấp các tuyến đường hiện có. Đẩy mạnh bê tông hoá, nhựa hoá và mở mới đường giao thông đến các thôn, làng. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thuỷ lợi, nâng cao năng lực tưới và hạn chế thiệt hại do thiên tai; tu sửa, nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả các công trình thuỷ lợi.

Đầu tư một số công trình văn hoá, thể thao thiết yếu. Mở rộng và hiện đại hoá dịch vụ bưu chính, viễn thông; chú ý phát triển tới vùng nông thôn. Đầu tư nâng cấp, ứng dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư.

Huy động nguồn lực cải tạo, phát triển và quản lý, sử dụng hiệu quả, an toàn lưới điện. Tập trung phát triển lưới điện hạ thế đến các thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia.

Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước tại các khu trung tâm, khu đô thị; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải cho thị trấn, các cụm dân cư đông, các cụm công nghiệp, nhà máy, xưởng sản xuất, các bệnh viện, bảo đảm vệ sinh, bảo vệ môi trường.

Huy động nhân dân trong huyện thực hiện tốt xã hội hoá giáo dục, đóng góp sức người, sức của xây cơ sở vật chất, trường lớp, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm; tiếp nhận các nguồn lực của cấp trên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Đầy tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện, các phòng khám khu vực và các trạm y tế xã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

d) Xây dựng, củng cố chính quyền

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc huyện; thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Liên hệ mật thiết với nhân dân, gần dân, hiểu dân, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của nhân dân.

Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn và quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự phối hợp với mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân. Tiếp

tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xoá bỏ những thủ tục, quy định không còn phù hợp, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

Rà soát, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, năng lực công tác đáp ứng được yêu cầu công việc trong thời kỳ mới.

Quan tâm, chú trọng công tác phát triển đảng viên ở nơi còn ít đảng viên, vùng sâu, vùng xa của huyện. Không ngừng chăm lo, xây dựng đội ngũ đảng viên lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng;

Quan tâm đào tạo bồi dưỡng phát triển tạo nguồn cán bộ trẻ kế cận, đặc biệt là cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở địa phương; đề xuất và thực hiện chế độ ưu đãi, thu hút cán bộ trẻ có nhiệt huyết, trình độ về công tác tại huyện; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Định hướng phát triển xã Đắk Rla

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12%.

- Cơ cấu kinh tế năm 2025, Nông - lâm nghiệp chiếm 45%, thương mại - dịch vụ chiếm 40% và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 20%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/người/năm.

- Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội khoảng 1.200 tỷ đồng.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,2%

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 10,5 tỷ đồng.

- Hoàn thành 19/19 chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm đạt 2,3%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề 85% trở lên.

- 95% số hộ gia đình được sử dụng nước sạch sinh hoạt.

- Hạ tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng xuống dưới 11%.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

- Bảo đảm tỷ lệ tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Giải pháp

- Sản xuất nông, lâm nghiệp:

Hoàn thành chương trình tái canh cà phê già cỗi, giống cũ năng suất thấp sang năng suất cao bền vững; không để xảy ra dịch bệnh lớn trên cây trồng, vật nuôi; giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình quản lý, trồng lại rừng trên diện tích bị chặt phá.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển và mở rộng các cơ sở sản xuất, sửa chữa máy nông cơ, cơ khí, gò hàn của các cơ sở hiện có, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của người dân trong và ngoài xã; hình thành hợp tác xã sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ. Quy hoạch, kêu gọi đầu tư, dự kiến thành lập cụm công nghiệp mới.

- Thương mại, dịch vụ

Cải tạo, nâng cấp chợ cũ để bảo đảm thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài xã bỏ vốn đầu tư kinh doanh tại chợ để đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa; xây dựng hệ thống thương mại, dịch vụ ngày càng nhiều thành phần kinh tế tham gia; hình thành chợ thương mại mới.

- Duy trì việc phổ cập giáo dục đúng độ tuổi của các cấp học; bảo đảm có thêm 3 trường đạt chuẩn quốc gia; phát huy hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục cộng đồng của xã. Nâng cao chất lượng dạy và học, tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học. Chăm lo đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, củng cố hoạt động của hội khuyến học.

- Không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn, vận động nhân dân mua bảo hiểm y tế tự nguyện, đẩy mạnh triển khai công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện đầy đủ chương trình y tế quốc gia, duy trì tốt chất lượng khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã.

- Huy động các nguồn lực xây dựng thêm nhà văn hóa xã và các nhà văn hóa thôn; cải tạo, nâng cấp sân bóng tại các thôn; tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện tốt việc xã hội hóa trong hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương; không để xảy ra tình trạng tái nghèo.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN CƯ JÚT

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển văn hóa nông thôn, kết hợp đẩy mạnh phát triển kinh tế công nghiệp và thương mại dịch vụ nhằm tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển đô thị. Phát huy dân chủ, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của bộ máy chính quyền, các ngành các cấp. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng Cư Jút vững mạnh toàn diện.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 10% trở lên, trong đó: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 12%, nông nghiệp đạt 6%, thương mại dịch vụ đạt 10%

- Đến năm 2025 cơ cấu kinh tế của huyện là: Nông nghiệp chiếm 20%; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 45%, thương mại dịch vụ 35%.

- Giá trị tổng sản phẩm xã hội đạt trên 9.000 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người khoản 50 triệu đồng/người/năm.

- Phấn đấu thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 15 - 17%.

- Huy động vốn của toàn xã hội đầu tư cho phát triển bình quân hàng năm trên 70 tỷ đồng.

- Giữ ổn định diện tích gieo trồng bình quân hàng năm 35.000 ha, tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp trên 2.917 tỷ đồng, trong đó giá trị chăn nuôi chiếm trên 20% tổng giá trị nông nghiệp, hệ số sử dụng đất là 1,55 lần; giá trị thu nhập bình quân trên mỗi ha canh tác trên 80 triệu đồng.

- Bảo vệ giữ vững diện tích rừng hiện có 37,107 ha, trồng mới từ 200 - 300 ha rừng, tăng độ che phủ của rừng lên 65%.

- Hàng năm xây dựng thêm từ 1 - 2 trường học đạt chuẩn Quốc gia; huy động trên 98% trẻ em trong độ tuổi đến trường; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; bình quân 6,2 bác sỹ trên một vạn dân; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 15%; 8/8 trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; 98% số hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; 100% các xã, thị trấn làm tốt công tác thu gom, xử lý rác thải.

- Xây dựng trên 80% gia đình, 87% thôn, buôn, bon, tổ dân phố, trên 98% cơ quan đơn vị đạt văn hoá, 4-5 xã đạt chuẩn văn hoá.

- Hàng năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2% trở lên so với tổng số hộ nghèo toàn huyện (kể cả đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ); đào tạo nghề trên 600 lao động, giới thiệu giải quyết việc làm trên 500 lao động.

- Tập trung xây dựng nâng cấp xã Nam Dong trở thành đô thị loại 5 và xây dựng thị trấn Ea T’Ling đảm bảo theo quy hoạch phát triển thành đô thị loại 4.

- Hàng năm có 98% cán bộ đảng viên, 70% quần chúng nhân dân được quán triệt, học tập, tuyên truyền phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Giải pháp

Phát huy lợi thế của địa phương,huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng (công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp), nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng bền vững

Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất các sản phẩm cây trồng vật nuôi gắn với công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị gia tăng, tiến tới nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Hàng năm có kế hoạch triển khai cho nhân dân trồng cây phân tán, trồng rừng nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn huyện.

Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, chợ, các dự án phát triển dịch vụ, công nghiệp, đô thị theo qui hoạch; tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp.

Tranh thủ các nguồn lực cho đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và xã hội của huyện, chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, trường học vàcác công trình phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao...có kế hoạch tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch đô thị; khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất trên địa bàn.Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thu - chi ngân sách. Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, bồi dưỡng nguồn thu, hạn chế nợ đọng và chống thất thu thuế, bảo đảm chủ động cân đối thu - chi ngân sách địa phương.

Tiếp tục thực hiện tốt việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khai thác mọi nguồn lực, tạo chuyển biến mạnh về xây dựng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế; bảo đảm an sinh xã hội. Chú trọng nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, gắn với đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhân dân.

Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phục vụ cho mục tiêu phát triển của huyện trong 5 năm tới. Tăng cường củng cố tiềm lực quân sự, quốc phòng - an ninh,cải cách tư pháp; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí…Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của dân. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) gắn với thực hiện Chỉ thị số 03 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Chăm lo công tác cán bộ, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bố trí cán bộ, chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Phát triển đảng viên đảm bảo chất lượng, chú trọng ở các thôn buôn ít đảng viên. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu công tác tổ chức xây dựng đảng hàng năm, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực để phòng ngừa sai phạm của cán bộ, đảng viên.

Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền huyện, xã, thị trấn. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với phát huy dân chủ; tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực và phong cách làm việc chuyên nghiệp, tận tụy của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng các mặt công tác. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

3. Định hướng phát triển xã Cư Knia

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Trong đó, giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 54%, thương mại - dịch vụ chiếm 31% và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 15%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 20 tỷ đồng; chi ngân sách là 17 tỷ đồng, phấn đấu cân đối thu chi ngân sách có dư.

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 3.432 ha, trong đó cây hàng năm đạt 2.010 ha, cây lâu năm đạt 1.362 ha; diện tích ao hồ nuôi cá là 45,62 ha.

- Hoàn thành 19/19 chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm đạt 2,5%, hộ cận nghèo đạt 5%/năm.

- Hàng năm đào tạo nghề cho từ 70 lao động trở lên.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

- Bảo đảm tỷ lệ tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Giải pháp

- Sản xuất nông, lâm nghiệp:

Tập trung đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Ổn định diện tích hồ tiêu, tăng cường liên kết đầu ra thông qua các hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã; sửa chữa, nâng cấp cải tạo các công trình thủy lợi phục vụ nhu cầu sản xuất, chủ động có các biện pháp chống hạn lâu dài.

Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp; quản lý chặt chẽ chất lượng đầu vào, nhất là giống và phân bón, thuốc trừ sâu.

Triển khai xây dựng các mô hình liên kết giữa các doanh nghiệp và nông dân trong chăn nuôi, trồng trọt… thực hiện tốt phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động phá rừng, vận chuyển lâm sản trái phép; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ vào mùa khô.

- Tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ

Tập trung khai thác các lợi thế có sẵn như chế biến lâm sản, khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng cơ sở chế biến, các loại dịch vụ nhà hàng, ăn uống, làng nghề.

Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; sử dụng hiệu quả vốn cho phát triển kinh tế, ưu tiên sửa chữa các công trình phục vụ sản xuất; tăng cường công tác kiểm tra trong lĩnh vực xây dựng.

- Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước. Từng bước hoàn thiện thiết chế văn hóa.

- Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục; xây dựng đội ngũ quản lý, giáo viên đủ số lượng, chất lượng, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động dạy và học thêm, công tác thu chi trong nhà trường.

- Làm tốt chính sách giảm nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi của nhà nước.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng y tế; chủ động phòng chống dịch bệnh ở người; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN KRÔNG NÔ

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh tăng trưởng gắn với tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Triển khai mạnh mẽ các chính sách của Trung ương, tỉnh trên địa bàn huyện, góp phần giữ vững ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô. Tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách Nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước.

Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2025:

- Giá trị sản xuất đạt 11.000 tỷ đồng. Trong đó: Nông, lâm nghiệp đạt 4.900 tỷ đồng; Công nghiệp - Xây dựng đạt 3.000 tỷ đồng; Thương mại dịch vụ đạt 3.100 tỷ đồng. Cơ cấu nền kinh tế đến năm 2020: Nông, lâm ngư nghiệp chiếm 27,27%; Công nghiệp và Xây dựng chiếm 44,55%; Thương mại và dịch vụ chiếm 28,18%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá - dịch vụ đạt 3.500 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 80 triệu đồng

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/năm.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 150 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 160 tỷ đồng.

- Dân số trung bình năm 2025 trên 90.000 người; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,11%; mức giảm sinh 0,4‰; tuổi thọ trung bình 78 tuổi.

- Số trường đạt chuẩn quốc gia 34 trường/46 trường; Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo 96%; Tỷ lệ học sinh đi học tiểu học 99%; Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo 100%.

- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn về phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

- Duy trì 100% xã, thị trấn có trạm y tế; Số giường bệnh/vạn dân 16 giường; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ 100%; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em >95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 16%.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

- Số lao động có việc làm 60 nghìn người; Số lao động được đào tạo trong năm trên 3.000 lao động.

- Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 (theo chuẩn mới) còn 3,5%.

- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện 100%

- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt 98%.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Về phát triển kinh tế

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn:

Triển khai thực hiện và rà soát các quy hoạch về Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản và Quy hoạch Nông thôn mới của các xã để điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương cũng như các tiểu vùng, tạo điều kiện khai thác tiềm năng và lợi thế cạnh tranh. Tiếp tục nghiên cứu, xác định các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện để có định hướng trong chỉ đạo, điều hành; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mang tính đột phá đối với đối với một số cây ăn quả chuyên canh (Bơ, Quýt và rau của quả ở các xã Quảng Phú, Đức Xuyên, Nâm Nđir,…), vật nuôi làm cơ sở đề tuyên truyền, vận động cho nông dân sản xuất. Tiếp tục nhân rộng các vùng chuyên canh sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao, ngô chất lượng cao, vùng sản xuất rau sạch an toàn, vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái theo hướng sản xuất hữa cơ, ứng dụng sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản, chủ động xúc tiến thương mại để tìm kiếm, mở rộng thị trường nhằm kích thích sản xuất phát triển, tạo và mở rộng mối liên kết trong sản xuất. Kêu gọi các Doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất trên lĩnh vực Nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ổn định đầu ra cho sản phẩm; đồng thời chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị ngành nông nghiệp.

Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững, đặc biệt là phát triển đàn gia súc như: bò, dê,…; khuyến khích đầu tư phát triển trên các lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản theo mô hình gia trại, trang trại, hộ gia đình từng bước chuyển sang hình thức chăn nuôi bán công nghiệp, công nghiệp. Sử dụng các loại con giống tiên tiến có năng suất cao; khai thác hợp lý diện tích mặt nước hiện có để phát triển chăn nuôi thủy sản, góp phần tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho hộ nông dân bằng chăn nuôi cá lồng, ao nuôi thâm canh,...

- Từng bước hoàn thiện các công trình hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp; đặc biệt là các công trình thủy lợi, giao thông trọng điểm như Hồ Nam Xuân, đường giao thông đi xã Buôn Choah để thuận lợi cho phát triển sản xuất. Vận động nhân dân tích trữ nước ao hồ, nhất là địa bàn thường xảy ra hạn như xã Đắk Sôr, Nam Xuân và thôn Jang Cách xã Đắk Drô; có biện pháp tưới hợp lý tiết kiệm, tránh thất thoát nguồn nước gây hạn cho cây trồng.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Hoàn thành giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp để tạo quỹ đất sạch kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp như chế biến gạo, hoa quả, mủ cao su, cà phê, ca cao, thức ăn gia súc, tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu của địa phương; Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác chế biến sản phẩm từ đá Bazan bọt (Puzơland) tại khu vực Quảng Phú; khai thác than bùn tại Nam Đà, Đắk Drô, Nâm N'Dir, sản xuất phân vi sinh; Quản lý chặt chẽ, khai thác hợp lý, tiết kiệm cát, đá, đất sét sản xuất vật liệu xây dựng, ưu tiên sản xuất gạch không nung. Khôi phục và phát triển một số nghề thủ công, mỹ nghệ tuyền thống, có lợi thế về nguyên liệu, thị trường, hàng lưu niệm cho khách du lịch.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh để quảng bá tiềm năng, thế mạnh của huyện. Tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế, đầu tư vốn phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện, nhất là đầu tư vào dự án Cụm công nghiệp của huyện. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất.

- Phát triển Thương mại - Dịch vụ:

Triển khai kế hoạch Khuyến công nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động trên địa bàn huyện.

Khuyến khích phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ, đa dạng về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (kể cả vui chơi, giải trí, tham quan, du lịch) nhất là cung ứng vật tư cần thiết cho sản xuất, đời sống, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường, cung cấp và hướng dẫn kỹ thuật, công nghệ sản xuất, bảo quản sản phẩm, dịch vụ tín dụng tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Tếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh và khai thác chợ theo kế hoạch. Từ

đó tăng sức mua của người tiêu dùng, trao đổi hàng hóa, cung cấp thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân.

Tăng cường công tác quản lí thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa; nâng cao hiệu quả hoạt động trong việc kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lí nghiêm các trường hợp sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, đặc biệt là xăng dầu, khí hóa lỏng và các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, gian lận thương mại, tăng giá bất hợp lí, gây mất ổn định thị trường.

- Tài nguyên & Môi trường

Quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch; thực hiện đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường quy hoạch, tạo quỹ đất sạch để đầu tư và kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý chặt chẽ, khai thác hợp lý, tiết kiệm các nguồn tài nguyên, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân trên địa bàn huyện. Tiếp tục kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản. Quản lý chặt chẽ các khu vực khoáng sản chưa được cấp phép khai thác theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân chấp hành công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Huy động tối đa các nguồn lực trong nhân dân, cùng với nguồn lực của các dự án và ngân sách nhà nước để thực hiện các tiêu chí về cơ sở hạ tầng nông thôn mới; thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, trong đó chú trọng các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh, thu tiền sử dụng đất để đầu tư cơ sở hạ tầng, ưu tiên huy động vốn đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, ở tất cả các khâu trong quá trình đầu tư. Tập trung chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể của các ngành, các cấp chính quyền trong việc phối hợp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, áp dụng đúng các chính sách đền bù đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất, tăng cường công tác giải thích, tuyên truyền vận động nhất là chính quyền cấp xã để người bị thu hồi đất chấp hành bàn giao đất, tạo được quỹ đất sạch, cải thiện quy trình thủ tục hành chính để tạo môi trường thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân có điều kiện đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thể thao, dịch vụ theo hình thức xã hội hóa, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn dịch vụ công cộng trên địa bàn.

b) Về phát triển xã hội.

- Phát triển giáo dục, đào tạo:

Triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Đề án của Trung ương. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Rà soát, sắp xếp lại các đơn vị trường học theo hướng tinh gọn; Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ

quản lý giáo dục, chất lượng dạy và học, nhất là các khu vực, điểm dân cư xa trung tâm huyện, xã; Tăng cường xã hội hoá đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

Phát huy vai trò tự chủ trong quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

- Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tiếp tục luân phiên đào tạo cán bộ nâng cáo tay nghề, nâng cao chất lượng trong điều trị. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các CBCC có điều kiện nghiên cứu và ứng dụng khoa học tiên tiến, hiện đại trong khám và điều trị bệnh. Tăng cường công tác đào tạo nhất là các lĩnh vực còn thiếu, các chuyên khoa về mắt, răng hàm mặt, da liễu.

Tăng cường hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Nâng cao y đức và chất lượng khám, chữa bệnh của các trạm y tế và trung tâm y tế huyện. Kiểm tra, kiểm soát hành nghề y, dược, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế; chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến mọi tầng lớp nhân dân.

Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao trên toàn huyện. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hoá, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Triển khai các tiêu chí TDTT gắn với tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa, thôn bon, buôn, tổ dân phố văn hóa, xã văn hóa để từng bước xây dựng, hình thành và tiến tới xét công nhận gia đình thể thao, Thôn, bon, buôn TDTT và xã TDTT.

- Đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm:

Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người già cô đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bảo đảm quyền lợi trẻ em. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, quỹ tín dụng để hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định đời sống, thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

Nâng cao hiệu quả dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, chủ động kết nối doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu lao động, nhằm đảm bảo giải quyết việc làm

sau đào tạo, phấn đấu vượt kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động. Thực hiện tốt công tác phối hợp, tư vấn hỗ trợ xuất khẩu lao động.

d) Công tác quốc phòng, an ninh:

- Quốc phòng: Nắm chắc tình hình chuẩn bị lực lượng tham mưu xử lý các tình huống; huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 100% các đối tượng trong nhiệm kỳ. Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển dân quân tự vệ, dự bị động viên; giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Cũng cố doanh trại, trang bị, công cụ, vật chất bảo đảm cho lực lượng hoạt động theo đề án quốc phòng đã được phê duyệt.

- An ninh: Tăng cường bảo vệ an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các phương án phòng, chống gây rối, bạo loạn trốn vượt biên; phòng chống tội phạm; phòng chống tệ nạn xã hội, kiềm chế tai nạn giao thông.

3. Định hướng phát triển thị trấn Đắk Mâm

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng/người/năm.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 35 tỷ đồng; chi ngân sách 15 tỷ đồng.

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 2.400 ha, trong đó cây hàng năm đạt 1.500 tấn; giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 100 triệu đồng. Tổng đàn gia súc 10.000 con, gia cầm khoảng 55.000 con

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,1%

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2%.

- Phấn đấu 4/4 trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ huy động trẻ đi mẫu giáo đạt 100%, tiểu học 100%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 10%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

- 99% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- 100% hộ dân được sử dụng điện và nước sạch vệ sinh.

- 100% chất thải rắn được thu gom.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

- Bảo đảm tỷ lệ tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Giải pháp

- Sản xuất nông, lâm nghiệp:

Vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi theo hướng nông nghiệp chất lượng cao; xây dựng ngành nông nghiệp của thị trấn phát triển theo hướng hiện đại,

bền vững, sản xuất hàng hóa năng suất, chất lượng cao có thị trường tiêu thụ ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Bố trí cây trồng phù hợp với mùa vụ và chất đất của từng vùng, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật tạo ra những vùng sản xuất chuyên canh.

Khuyến khích người dân chăn nuôi theo mô hình trang trại, tập trung, chất lượng và số lượng vật nuôi được nâng cao.

- Tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ

Tạo điều kiện cho các hộ gia đình, tổ chức phát triển kinh tế, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh đa dạng hóa ngành nghề, dịch vụ hàng hóa, sản phẩm nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, kịp thời bao tiêu sản phẩm lưu thông hàng hóa chung trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn, bảo đảm thu đúng, thu đủ và sử dụng ngân sách hiệu quả.

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương của đất nước đến mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; chủ trọng bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc.

- Thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách; quan tâm hỗ trợ người có công, gia đình chính sách phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống.

4. Định hướng phát triển xã Nam Xuân

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế đạt khoảng 350 tỷ đồng, trong đó giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 65%, thương mại - dịch vụ chiếm 20% và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 15%.

- Tổng thu ngân sách hàng năm đạt 95% chỉ tiêu được giao.

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 3.500 ha, trong đó cây hàng năm đạt 1.000 ha, sản lượng 6.500 tấn; chú trọng phát triển cây lâu năm như cà phê, cao su, hồ tiêu. Nâng cao tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp, tổng đàn gia súc 15.000 con, 1.000 con bò, gia cầm khoảng 70.000 con.

- Tổng vốn huy động phát triển xã hội khoảng 300 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng/người/năm.

- 95% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 95% số hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 90%, phổ cập mầm non 5 tuổi đạt 100%; hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; 100% trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ dân tham gia BHYT đạt 95%, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 13%.

- 95% số hộ đạt tiêu chuẩn văn hóa, 11/11 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

- Bảo đảm tỷ lệ tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Giải pháp

- Phát triển kinh tế

Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, đặc biệt chú trọng trồng và chăm sóc cây công nghiệp dài ngày như hồ tiêu, cà phê; chuyển đổi một số diện tích thiếu nước và năng suất thấp sang trồng các loại cây khác có khả năng chịu hạn tốt; làm tốt công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, sản xuất cây trồng theo hướng đầu tư ít; hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh, phòng dịch trên đàn gia súc.

Phát triển đàn bò lai, trồng cỏ, chế biến thức ăn gia súc từ sản phẩm phụ trong nông nghiệp; khuyến khích chăn nuôi gia súc theo mô hình trang trại; làm tốt công tác thú y.

Khuyến khích các hộ đầu tư xây dựng tụ điểm thương mại, dịch vụ; kêu gọi đóng góp xây dựng nhà văn hóa; tập trung công tác thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao.

Đẩy mạnh công tác xây dựng nông thôn mới, giữ vững các tiêu chí đã đạt được và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Văn hóa, xã hội

Duy trì tốt hoạt động của đài truyền thanh xã; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao.

Rà soát, đánh giá các tiêu chí xây dựng trường chuẩn quốc gia; vận động, quyên góp vào quỹ khuyến học, khuyến tài; huy động nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục ở trường học theo quy định.

Thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo; làm tốt công tác khám chữa bệnh tại trạm xá xã, thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, tuyên truyền cho nhân dân bảo vệ môi trường.

5. Định hướng phát triển xã Tân Thành

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 8.596 ha. Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 80 triệu đồng.

- Trồng mới 227 ha cà phê, 10 ha tiêu, 102 ha cao su, 25 ha rừng, 10 ha ca cao, 20ha cây ăn trái.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân 5%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 59 triệu đồng/người/năm.

- 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% số hộ có phương tiện nghe nhìn.

- 80% hộ sử dụng phương tiện cơ giới vào sản xuất.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 4,5 tỷ đồng; chi ngân sách là 2,2tỷ đồng, phấn đấu cân đối thu chi ngân sách có dư.

- Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 95%, phổ cập mầm non 5 tuổi đạt 100%; hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; 100% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở tốt nghiệp đạt 98%.

- Tỷ lệ dân tham gia BHYT đạt 95%, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 15%.

- 91,5% số hộ đạt tiêu chuẩn văn hóa, 5/5 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Tỷ lệ tăng dân số 1,5%/năm.

- Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

- Bảo đảm tỷ lệ tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

b) Giải pháp

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tập trung quy hoạch vùng sản xuất hợp lý, đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc rừng, diện tích cao su, rừng nguyên liệu; tuyên truyền để nhân dân giảm diện tích cây trồng ngắn ngày, cải tạo đất, mở rộng hệ thống giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm. Huy động nguồn nhân lực và nguồn vốn đầu tư của nhà nước, mở rộng chăn nuôi mang tính hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm tiêu dùng, quản lý bảo vệ rừng tốt, tăng cường quản lý và khai thác nguồn thu đáp ứng thu chi theo quy định.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, văn hóa, thể dục thể thao, xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục; thực hiện đầy đủ chính sách xã hội của nhà nước đến nhân dân.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, xây dựng lực lượng dân quân cơ động, dự bị động viên bảo đảm quy định, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

- Phát huy dân chủ, xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, đổi mới hoạt động của mặt trận tổ quốc.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Việc điều chỉnh địa giới hành chính là thực sự cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển và nguyện vọng của nhân dân để nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời

sống vật chất và tinh thần người dân, giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông.

II. Kiến nghị:

Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, ngành quan tâm đầu tư để các đơn vị hành chính sớm được thành lập và đi vào hoạt động ổn định.

UBND tỉnh Đắk Nông kính trình Chính phủ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn